

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Dương Thị Ngọc Lữ

**THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI
BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI TỪ THỰC TIỄN
QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Dương Thị Ngọc Lữ

**THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI
BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI TỪ THỰC TIỄN
QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. LÊ NGUYỄN THANH

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn khoa học của TS Lê Nguyên Thanh. Các tài liệu tham khảo có nguồn gốc rõ ràng, nghiên cứu là trung thực. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả nghiên cứu và tính trung thực của luận văn.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

DƯƠNG THỊ NGỌC LỮ

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM | 6 |
| 1.1. Một số vấn đề lý luận về thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi..... | 6 |
| 1.2. Đặc điểm và mục đích của thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi. | 11 |
| 1.3. Nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với bị cáo dưới 18 tuổi..... | 15 |
| 1.4. Khái quát lịch sử xây dựng và phát triển của thủ tục xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi..... | 22 |
| Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015 VỀ THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM ĐỐI VỚI BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI | 22 |
| 2.1. Những quy định về thủ tục chung có liên quan đến xét xử sơ thẩm vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi | 22 |
| 2.2. Hoạt động xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi | 41 |
| Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG THỦ TỤC XÉT XỬ ĐỐI VỚI BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TẠI ĐỊA BÀN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN | 44 |
| 3.1 Thực tiễn áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi tại địa bàn quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2013-2017..... | 44 |
| 3.2. Ưu điểm và hạn chế trong việc áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. | 46 |
| 3.3 Kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi | 54 |
| 3.4. Một số kiến nghị khác | 62 |
| KẾT LUẬN | 72 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|---------------------|-----------------------------------|
| BCA | Bộ công an |
| BLDS | Bộ luật dân sự |
| BLĐTB&XH | Bộ Lao động thương binh và xã hội |
| BLHS | BLHS |
| BLTTHS | Bộ luật Tố tụng hình sự |
| BTP | Bộ tư pháp |
| HĐTP | Hội đồng thẩm phán |
| HĐXX | Hội đồng xét xử |
| HSPT | Hình sự phúc thẩm |
| KSV | Kiểm sát viên |
| NCTN | Người chưa thành niên |
| TAND | Tòa án nhân dân |
| TANDTC | Tòa án nhân dân tối cao |
| TTXX | Thủ tục xét xử |
| TNHS | Trách nhiệm hình sự |
| TPHCM | Thành phố Hồ Chí Minh |
| TTHS | Tố tụng hình sự |
| TTLT | Thông tư liên tịch |
| VKS | Viện kiểm sát |
| VKSNDTC | Viện kiểm sát nhân dân tối cao |

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

| | |
|--|-----------|
| Bảng 3.1: Bảng số liệu báo cáo về tình hình xét xử của Tòa án nhân dân quận Tân Bình..... | 45 |
|--|-----------|

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ là một trung tâm kinh tế lớn nhất mà còn là một vị trí mang tính chiến lược trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh của cả nước. Quận Tân Bình thuộc Thành phố Hồ Chí Minh là quận trọng điểm, cửa ngõ hội tụ của các tuyến giao thông chính yếu, có sân bay Tân Sơn Nhất là cảng hàng không quốc tế quan trọng để hàng hóa và du khách từ khắp nơi trên thế giới đến thành phố, có khu công nghiệp Tân Bình là nơi tạo ra nguồn thu ngân sách khổng lồ và công ăn việc làm cho rất nhiều người dân lao động. Do tiềm năng kinh tế lớn và năng động như vậy nên mật độ dân cư ở đây rất đông, đa phần chủ yếu là dân buôn bán, kinh doanh và một số lượng lớn dân nhập cư, tạm trú, dân lao động theo thời vụ, không có nơi cư trú ổn định tập trung về đây sinh sống. Từ đặc điểm trên khiến cho việc quản lý dân cư trên địa bàn quận Tân Bình rất khó khăn, tình hình tội phạm diễn ra ngày càng phức tạp, khó kiểm soát mà đặc biệt là đối tượng NCTN phạm tội. Cũng như nhiều địa phương khác, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện có chiều hướng gia tăng về tính chất, mức độ nguy hiểm. Nếu như trước đây tội phạm do NCTN thực hiện là các tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng thì nay là các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trực tiếp tới tính mạng, sức khỏe người khác với các hành vi phạm tội vô cùng liều lĩnh, manh động, mang tính chất côn đồ. Với đặc điểm tâm sinh lý đang phát triển, nhận thức chưa đầy đủ và nhân cách chưa được định hình, cộng thêm sự thiếu giáo dục từ gia đình, tác động tiêu cực từ xã hội dẫn đến tình hình phạm tội của người dưới 18 tuổi diễn biến ngày càng phức tạp. Trong khi đó, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội cũng như người trưởng thành không chỉ đơn giản là xử 01 vụ án mà quan trọng nhất là tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội cũng như phương hướng, biện pháp nhằm đẩy lùi, ngăn chặn các hành vi phạm tội, định hướng cho người phạm tội cơ hội làm lại cuộc đời.

Thực tiễn tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn quận Tân Bình, TPHCM cho thấy rõ nhu cầu phải tiếp tục tăng cường đấu tranh, phòng chống

tội phạm này cũng như tội phạm nói chung, đặc biệt trong tình hình hiện nay khi Nhà nước cũng như nhân dân đang mong muốn ngăn chặn và đẩy lùi tội phạm khỏi đời sống xã hội. Ngoài việc đấu tranh bằng pháp luật hình sự mà nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện những quy định của pháp luật hình sự về thủ tục giải quyết các VAHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì còn phải đấu tranh bằng các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa. Trong quá trình áp dụng các quy định của pháp luật TTHS trong việc giải quyết các vụ án đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, những người tiến hành tố tụng ngoài việc nắm rõ các quy định và tuân thủ chặt chẽ các TTTT thì phải là những người am hiểu, có kiến thức nhất định về các đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi này thì công tác xét xử mới đạt chất lượng và ý nghĩa đã đề ra. Cho nên, việc áp dụng các quy định pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và tiến hành các thủ tục xét xử đối với tội danh này trong thời gian qua gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định, cụ thể: Pháp luật TTHS hiện hành đã quy định khá đầy đủ về TTTT đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi từ giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử. Tuy nhiên trong thực tiễn xử lý các vụ án do bị cáo là người dưới 18 tuổi thực hiện vẫn còn các vướng mắc và bất cập, vẫn chưa thực sự đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng cho họ do những nguyên nhân như người tiến hành tố tụng chưa có kiến thức nhất định về đặc điểm tâm sinh lý của bị cáo là người dưới 18 tuổi, việc xét xử các vụ án còn mang nặng tính hình thức, chưa thể hiện “sự thân thiện” tại các phiên tòa đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, thủ tục xét xử người dưới 18 tuổi không khác gì so với việc xét xử bị cáo đủ 18 tuổi, việc xét hỏi chưa thật sự đi sâu vào khía cạnh tâm lý của bị cáo để tìm hiểu rõ nguyên nhân và điều kiện dẫn đến việc phạm tội vẫn còn mang nặng tính chất vắn, buộc tội theo cáo trạng truy tố của VKS, việc tham gia bào chữa chỉ định đối với bị cáo chưa đảm bảo về tính chất lượng, người đại diện của bị cáo chưa quy định rõ về chủ thể nào được quyền tham gia,... Từ những vướng mắc và tính thời sự của vấn đề nghiên cứu, học viên chọn đề tài *“Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo dưới 18 tuổi từ thực tiễn quận Tân Bình, TPHCM”* cho luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Việc xét xử đối với các trường hợp bị cáo là người dưới 18 tuổi nhận được sự quan tâm không chỉ của xã hội mà còn của nhiều học giả trong và ngoài nước. Qua quá trình tìm hiểu, tham khảo các tài liệu chuyên ngành được biết có 1 số công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực tư pháp đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi như:

- Đỗ Xuân Hồng (2014), “Xét xử vụ án có bị cáo là NCTN theo luật TTHS Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Nguyễn Thu Huyền (2007), “Thủ tục xét xử những vụ án mà bị cáo là NCTN: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Lê Hữu Soái (2015), “Các biện pháp ngăn chặn đối với bị can, bị cáo là NCTN phạm tội theo luật TTHS Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Vũ Thị Phương Thanh (2015), “Hoàn thiện địa vị pháp lý của bị can, bị cáo là NCTN trong luật TTHS Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Lê Thị Mỹ Vân (2017), “TTTT đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi trong luật TTHS Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP.HCM.

Các công trình nghiên cứu trên là những tài liệu tham khảo có giá trị đối với luận văn đang nghiên cứu. Tuy nhiên, phần lớn các công trình nghiên cứu này được thực hiện khi chưa có BLTTHS 2015. Vì vậy, người viết chọn đề tài nghiên cứu về vấn đề quy định thủ tục xét xử bị cáo là người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn địa bàn quận Tân Bình, TPHCM góp phần làm rõ hơn một số vấn đề lý luận và thực tiễn xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

a. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật và phân tích thực tiễn, đánh giá thực trạng của quá trình xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn quận

Tân Bình, TPHCM giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, đề tài góp phần làm sáng tỏ các quy định của pháp luật TTHS về thủ tục xét xử các VAHS đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Từ đó, đề tài có các kiến nghị góp phần hoàn thiện TTTT đối với những bị cáo người dưới 18 tuổi trong luật TTHS Việt Nam.

b. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được những mục đích nêu trên, luận văn đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận có liên quan đến thủ tục xét xử VAHS đối với NCTN phạm tội.

- Thực trạng xét xử và tìm hiểu về những ưu điểm, tồn tại, hạn chế đối với thủ tục xét xử VAHS mà bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội từ thực tiễn xét xử tại quận Tân Bình, TP HCM.

- Đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự về áp dụng thủ tục xét xử VAHS mà bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, đề xuất hướng giải quyết.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Về đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu đặc điểm và các quy định về thủ tục xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Về phạm vi nghiên cứu: Luận văn khảo sát, đánh giá thực tiễn áp dụng thủ tục đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi trên địa bàn quận Tân Bình, TPHCM trong giai đoạn từ 2013-2017.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn được áp dụng như phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê tình hình thực tiễn xét xử tại Tòa án.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Việc nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn của TTXH đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi tại địa bàn quận Tân Bình, TPHCM có ý nghĩa nhất định trong đánh giá những bất cập của luật định so với thực tế áp dụng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung luận văn được bố cục thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo dưới 18 tuổi trong luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi tại quận Tân Bình, TPHCM và kiến nghị hoàn thiện.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi

Như chúng ta đã biết, năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi của con người không hình thành ngay khi cá nhân được sinh ra mà phải tích lũy theo thời gian và kinh nghiệm sống. Chính vì vậy, tuổi là tiền đề để đánh giá mức độ trưởng thành của một cá nhân. Theo chuẩn mực quốc tế và ở Việt Nam, khi một người chưa đủ 18 tuổi, họ cần được bảo vệ đặc biệt hơn so với người đã trưởng thành. Trong lĩnh vực hình sự, người dưới 18 tuổi được coi là người chưa có năng lực nhận thức đầy đủ, khả năng kiểm soát hành vi còn hạn chế. Các nghiên cứu về đặc điểm tâm lý lứa tuổi cũng cho thấy, người dưới 18 tuổi chưa phát triển đầy đủ về thể chất và đặc điểm tâm lý. Theo quy định tại Điều 1 Công ước về quyền trẻ em năm 1989 thì “Trẻ em là người dưới 18 tuổi trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó có quy định tuổi thành niên sớm hơn”. Bên cạnh Công ước về quyền trẻ em năm 1989 thì Quy tắc tối thiểu của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với NCTN (Quy tắc Bắc Kinh) do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 14/12/1992 cũng đã đề cập đến khái niệm “NCTN là người dưới 18 tuổi”. Ở Việt Nam, độ tuổi NCTN được xác định thống nhất trong Hiến Pháp, BLHS, Bộ luật TTHS, Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và một số văn bản quy phạm pháp luật khác. Tất cả các văn bản pháp luật đó đều quy định tuổi của NCTN là dưới 18 tuổi và quy định riêng những chế định pháp luật đối với NCTN trong từng lĩnh vực cụ thể. Khái niệm NCTN khác với khái niệm trẻ em. Theo Điều 1 của Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 thì: “Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi”. Theo quy định cụ thể của BLHS thì NCTN là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt

ngghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 BLHS. Như vậy, mức tuổi tối thiểu phải chịu TNHS theo quy định của BLHS Việt Nam là người từ đủ 14 tuổi. Tuy nhiên, ở độ tuổi này, sự nhận thức và điều khiển hành vi của con người có giới hạn, chưa hoàn chỉnh nên họ chỉ phải chịu TNHS về một số tội được liệt kê tại khoản 2 Điều 12 BLHS. Ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên, sự nhận thức và điều khiển hành vi của con người nói chung đã tương đối hoàn chỉnh nên họ phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Bên cạnh đó, Điều 61 BLTTHS năm 2015 quy định bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Điều này có nghĩa nếu chưa có quyết định của Tòa án đưa ra xét xử thì bị can vẫn chưa được gọi là bị cáo, mặc dù hồ sơ vụ án cùng bản cáo trạng truy tố người đó đã được gửi cho Tòa án. Do đó, kết hợp với quy định về độ tuổi chịu TNHS tại Điều 12 BLTTHS năm 2015, có thể đưa ra khái niệm về bị cáo là người dưới 18 tuổi như sau: *“Bị cáo là người dưới 18 tuổi là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi bị Tòa án ra quyết định đưa ra xét xử”*.

Để đảm bảo tính khách quan, sự bình đẳng và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia trong quá trình giải quyết các vụ án, pháp luật đã quy định thẩm quyền giải quyết, trình tự tiến hành cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên một cách cụ thể. Do các vụ án có đặc thù khác nhau nên pháp luật quy định cách thức, trình tự khác nhau tương ứng. TTTT dân sự được áp dụng cho việc giải quyết các vụ án dân sự, thủ tục hành chính áp dụng cho việc giải quyết các vụ án hành chính, thủ tục TTHS được áp dụng cho việc giải quyết các VAHS. Để có thể đưa ra một khái niệm phản ánh đúng bản chất của TTTT đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, bước tiếp theo là cần tìm hiểu khái niệm “thủ tục TTHS”. Thủ tục TTHS là cách thức, trình tự tiến hành xem xét một vụ việc hoặc giải quyết một vụ án đã được thủ lý hoặc khởi tố theo các quy định của pháp luật [13]. Khái niệm “thủ tục TTHS” đã được sử dụng khá phổ biến và hiểu một cách tương đối thống nhất là “cách thức, trình tự và nghi thức có tính chất bắt buộc phải tuân theo luật định đối với toàn bộ hoạt động TTHS cũng như đối với từng giai đoạn TTHS, hành vi TTHS cụ thể nhằm pháp hiện chính

xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội” [23; tr.23-24]. Quá trình TTHS được chia thành nhiều giai đoạn: Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Ngoài những quy định chung, BLTTHS năm 2015 còn ghi nhận Chương XXVIII áp dụng cho đối tượng đặc biệt: Người dưới 18 tuổi. Điều 413 BLTTHS năm 2015 quy định về phạm vi áp dụng TTTT dành cho người dưới 18 tuổi bao gồm người bị buộc tội, người bị hại, người làm chứng nhưng không ghi nhận khái niệm “*TTXX đối với người dưới 18 tuổi*”. Qua nghiên cứu về TTTT tại Chương này, tác giả nhận thấy nhà làm luật đã đề ra những quy định mang tính đặc trưng riêng cho người dưới 18 tuổi. Đó là những quy định về tiêu chuẩn của người tiến hành tố tụng, những đối tượng cần phải chứng minh, về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, vấn đề bào chữa, việc tham gia của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội cũng như hoạt động xét xử và thi hành án. TTXX đối với bị cáo sẽ bắt đầu từ khi cáo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Theo quy định của BLTTHS năm 2015, TTTT đối với người bị buộc tội, người bị hại, người làm chứng dưới 18 tuổi phải theo một trình tự đặc biệt quy định tại Chương XXVIII và những quy định khác của bộ luật này không trái với các quy định của Chương XXVIII.

Từ những phân tích trên có thể đi đến kết luận: “*TTXX sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi theo pháp luật TTHS Việt Nam là một loại thủ tục xét xử đặc biệt được áp dụng với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử sơ thẩm nhằm giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ trong các hoạt động TTHS*”.

1.2. Cơ sở quy định thủ tục đặc biệt đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi

TTXX đối với người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng được quy định xuất phát từ cơ sở khoa học và thực tiễn sau đây:

Thứ nhất, xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi trong VAHS. Người dưới 18 tuổi là người đang ở trong lứa tuổi mà khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị hạn chế và là đối tượng dễ bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài. Với bản lĩnh tự lập hạn chế, khả năng tự

kiềm chế chưa cao, họ có thể thực hiện tội phạm do bị người khác dụ dỗ, kích động, thúc đẩy, lôi kéo. Sự tác động từ các yếu tố xã hội ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhận thức của họ dẫn đến hành động của họ mang tính manh động, mù quáng, khó tránh khỏi những hậu quả nguy hiểm xảy ra. Môi trường sống ảnh hưởng rất lớn đến nhân cách của những người dưới 18 tuổi, nó tác động không nhỏ đến sự phát triển và hình thành nhân cách của họ. Khi sống trong một môi trường lành mạnh, được sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội, những người dưới 18 tuổi sẽ có điều kiện thuận lợi để phát triển tâm lý lành mạnh và có nhân cách tốt. Ngược lại nếu sống trong môi trường không lành mạnh, bị ảnh hưởng bởi những nhân tố tiêu cực, thiếu sự quan tâm, giáo dục từ phía gia đình, nhà trường và xã hội sẽ rất dễ đẩy các em vào những hành động lệch lạc, là mầm mống cho các hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra, với năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi còn hạn chế, họ có thể thực hiện tội phạm do nhận thức chưa đầy đủ về tính nguy hiểm của hành vi, đánh giá sai tình huống và các đòi hỏi của xã hội. Xuất phát từ sự nhận thức không đúng về các giá trị chuẩn mực trong các mối quan hệ xã hội, sự hiểu biết về pháp luật của hạn chế, tâm sinh lý dễ bị dao động, lôi kéo vào con đường phạm tội tuy nhiên cũng nhiều khả năng cải tạo, uốn nắn, việc giáo dục, tác động giúp họ sửa chữa những khuyết điểm, phát triển toàn diện và có ích cho xã hội sẽ thuận lợi hơn so với người trên 18 tuổi. Vì thế khi xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo dưới 18 tuổi cần có thủ tục riêng để bảo đánh giá đầy đủ về năng lực nhận thức và hành vi phạm tội của bị cáo.

Thứ hai, xuất phát từ chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi. Điều 20 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã quy định: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm...”*. Kế thừa quan điểm nhất quán trong việc bảo vệ trẻ em được thể hiện trong Hiến pháp, Luật hình sự và TTHS Việt Nam đã đặt ra những nguyên tắc, thủ tục riêng khi xử lý vi phạm hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi. Chính sách

hình sự nhất quán của Đảng và Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật hình sự là giáo dục, giúp đỡ họ có cơ hội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, tạo điều kiện để họ có khả năng tái hòa nhập cuộc sống và trở thành công dân có ích cho xã hội chứ không mang tính trừng phạt. Đây là những nguyên tắc cơ bản, chi phối toàn bộ quá trình xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Để bảo đảm khoan hồng và nhân đạo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi cũng cần có thủ tục tố tụng riêng.

Thứ ba, xuất phát từ tình hình tội phạm và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử những vụ án do người dưới 18 tuổi gây ra. Trong những năm gần đây, tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện diễn ra càng nhiều và có chiều hướng gia tăng và phức tạp, không chỉ về số lượng mà còn cả tính chất và mức độ liều lĩnh của hành vi. Do đó, việc đấu tranh phòng chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện là một việc làm mang tính cấp bách. Trước tình hình đó, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã luôn cố gắng trong việc áp dụng đúng các quy định của pháp luật TTTHS nhằm nâng cao chất lượng giải quyết các VAHS có liên quan đến người dưới 18 tuổi. Mặc dù có những quy định về TTXX đối với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi trong BLTTHS năm 2003, nhưng việc áp dụng trong thực tiễn đã bộc lộ những điểm bất hợp lý, thiếu hiệu quả. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng cơ quan tiến hành tố tụng lạm quyền, không tôn trọng quyền lợi dẫn đến một số trường hợp oan sai... Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân của việc sửa đổi, bổ sung thủ tục đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi trong BLTTHS năm 2015.

Thứ tư, xuất phát từ yêu cầu hội nhập quốc tế. Việt Nam là nước Châu Á đầu tiên và là nước thứ 2 trên thế giới tham gia kí phê chuẩn của Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em. Để bảo vệ đối tượng đặc biệt này, Việt Nam đã ban hành, sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản pháp luật liên quan đến quyền trẻ em. BLTTHS năm 2015 sửa đổi dựa trên một số quy định của Công ước về quyền trẻ em nhằm thực hiện cam kết của quốc gia thành viên. Các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi mặc dù chưa được đầy đủ nhưng

cũng đã thể hiện rất rõ quan điểm của Nhà nước ta luôn bảo vệ, tôn trọng các quyền của đối tượng đặc biệt này.

1.3. Đặc điểm và mục đích của thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi

1.3.1. Đặc điểm của thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi

Do người dưới 18 tuổi là chủ thể đặc biệt nên so với các vụ án thông thường thì TTXS trong các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi mang những nét đặc trưng riêng:

Thứ nhất, đối tượng áp dụng của TTXS đặc biệt này là bị cáo dưới 18 tuổi vào thời điểm quyết định đưa ra xét xử. Theo quy định của BLTTHS đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi thì thời điểm áp dụng TTXS là từ lúc Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ở giai đoạn này, bị cáo là người dưới 18 tuổi được áp dụng thủ tục đặc biệt khác với những thủ tục thông thường đối với bị cáo đã đủ 18 tuổi. Trong trường hợp một người ở thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, nhưng đến khi bị đưa ra xét xử là người đã đủ 18 tuổi thì không áp dụng TTXS này. Như vậy thời điểm áp dụng các TTXS đặc biệt đối với bị cáo ở độ tuổi từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi là khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Thứ hai, đây là một thủ tục đặc biệt trong luật TTHS. TTXS đối với người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng không chỉ trong pháp luật TTHS Việt Nam mà cả trong pháp luật TTHS của các nước luôn có những quy định khác biệt so với thủ tục chung. Những khác biệt đó trong BLTTHS năm 2015 được thể hiện ở các vấn đề như: Nguyên tắc tiến hành tố tụng; tiêu chuẩn của người tiến hành tố tụng; sự tham gia của người đại diện, nhà trường, tổ chức, bào chữa chỉ định; hoạt động lấy lời khai, hỏi cung, hoạt động xét xử. Về kỹ thuật lập pháp, sự đặc biệt còn thể hiện ở chỗ thủ tục đối với người dưới 18 tuổi được thể hiện chung trong BLTTHS của các nước nhưng cũng có thể được quy định bằng một đạo luật riêng. Về phương diện quốc tế, Liên Hiệp Quốc cũng đã ban hành khung pháp lý đặc thù quy định, hướng dẫn và giải thích về những tiêu chuẩn của hệ thống tư pháp

NCTN, làm cơ sở, định hướng cho các quốc gia thành viên trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật.

Thứ ba, TTXX đối với bị cáo dưới 18 tuổi có mối liên hệ chặt chẽ với thủ tục chung. TTXX đối với người dưới 18 tuổi nói chung và đối với bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng, mặc dù được quy định thành một chương riêng biệt nhưng không phải vì thế mà nó hoàn toàn độc lập với thủ tục chung. Ngược lại, nó có mối quan hệ gắn bó và không tách rời thủ tục chung. Bởi lẽ, về cơ bản, các TTXX áp dụng đối với người dưới 18 tuổi được thực hiện trên cơ sở các thủ tục chung, chỉ có một số đặc điểm riêng tạo nên điểm khác biệt. Điều này có nghĩa là khi xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi, cơ quan tiến hành tố tụng phải thực hiện theo các quy định trong chương XXVIII BLTTHS (thủ tục đặc biệt) và các quy định về TTXX được quy định trong BLTTHS nhưng không được trái với các quy định trong chương XXVIII

1.3.2. Mục đích của thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi

Pháp luật hướng đến tính nghiêm minh, khách quan và bảo vệ lợi ích chính đáng của công dân. Người dưới 18 tuổi là chủ thể đặc biệt được BLTTHS năm 2015 điều chỉnh bởi một chương riêng với TTXX đặc trưng nhằm đạt những mục đích sau đây:

Thứ nhất, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng. Pháp luật ngoài mục đích trừng trị, răn đe người phạm tội còn mang mục đích giáo dục, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, pháp luật dành cho họ những ưu đãi đặc biệt. Vì họ là những người còn non nớt về thể chất, tinh thần nên chưa thể tự bảo vệ mình trước sự buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng. Việc quy định TTXX phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, tâm lý trên tinh thần tôn trọng nhân phẩm của người dưới 18 tuổi sẽ khơi dậy trong lòng họ sự ăn năn, hối cải, tránh đi sự mặc cảm, giúp họ nhận ra sai lầm để tự rèn luyện nhân cách và tái hòa nhập cộng đồng. Do đó, việc pháp luật TTHS quy định người tiến hành tố tụng phải có hiểu biết về tâm lý khi tiến hành xét xử đối với bị cáo thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của nhà làm luật nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của người dưới 18 tuổi. Khi đứng trước HĐXX, bị cáo phải đối

diện với những người nắm trong tay quyền quyết định kết quả cuối cùng của vụ án. Do đó, áp lực tâm lý đè nặng lên bị cáo. Vì vậy khi người tiến hành tố tụng nắm bắt tâm lý của bị cáo sẽ giúp bị cáo giảm nhẹ áp lực, giúp cho việc xét xử đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, việc quy định bắt buộc phải có người bào chữa, sự có mặt của đại diện gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội khi xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi trong các VAHS thể hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của bị cáo. Việc có người bào chữa khi xét xử không chỉ giúp cho bị cáo được bảo vệ về mặt pháp lý mà còn giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng xác định rõ hơn những vấn đề còn tồn tại hay phát sinh trong vụ án. Qua đó cơ quan tiến hành tố tụng sẽ có cái nhìn khách quan, toàn diện và đầy đủ hơn để giải quyết vụ án minh bạch, sáng suốt, đúng đắn. Ngoài ra, pháp luật TTHS còn quy định Hội thẩm nhân dân phải là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc là người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi; việc xét xử bị cáo được Tòa án quyết định xử kín. Tất cả cho thấy pháp luật TTHS đã ưu tiên đặt mục đích bảo vệ quyền, nhân phẩm của người dưới 18 tuổi lên hàng đầu.

Thứ hai, giúp giải quyết vụ án một cách khách quan, chính xác. Thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa giáo dục, thuyết phục, và cưỡng chế nhằm mục đích giúp người phạm tội tái hòa nhập cộng đồng. Để có một bản án mang tính công minh, khách quan thì đòi hỏi người tiến hành tố tụng bên cạnh áp dụng đúng quy định của luật còn phải thể hiện sự công tâm trong quá trình xử lý. Để đảm bảo quá trình giải quyết vụ án được đúng đắn, tránh oan sai thì người tiến hành tố tụng phải nắm rõ về nội dung vụ án, ngoài việc thu thập những chứng cứ, lời khai trong quá trình điều tra thì việc thẩm tra lại tại phiên tòa cũng rất cần thiết. Việc thẩm tra này cần tránh sự suy diễn, định kiến hoặc theo ý chí chủ quan của người tiến hành tố tụng. BLTTHS năm 2015 đã có những quy định riêng về phạm vi áp dụng, các biện pháp ngăn chặn người tiến hành tố tụng, xét xử... nhằm thể hiện rõ quyền, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng giúp người tiến hành tố tụng xác định rõ giới hạn thẩm quyền của mình, tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Có thể nhận thấy rằng, mục đích nhất quán của pháp luật nước ta đặt ra đối với cơ quan

tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đó là xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác, trong đó thông qua trách nhiệm làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị can, bị cáo tìm ra sự thật qua việc khôi phục lại, tạo dựng lại những gì xảy ra trong quá khứ. Với TTXH đặc biệt áp dụng cho bị cáo mang những đặc trưng về lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý, khả năng nhận thức sẽ giúp cho người tiến hành tố tụng có biện pháp xử lý phù hợp đối với đối tượng là người dưới 18 tuổi.

Có thể nói, luật TTHS là phương tiện gián tiếp để giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, giúp họ tôn trọng nguyên tắc xã hội để hướng bản thân theo chuẩn mực pháp lý đã đặt ra trong cuộc sống. Bên cạnh biện pháp trừng trị đối với người phạm tội pháp luật còn mang ý nghĩa khuyến khích, động viên người tiến hành tố tụng nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm trong công tác. Luật TTHS quy định những biện pháp cưỡng chế chỉ áp dụng trong những trường hợp cần thiết khi không thể áp dụng các biện pháp khác. Nguyên tắc đối xử công bằng luôn được đề cao trong pháp luật quốc gia trên thế giới và trong luật TTHS năm 2015 cũng đã quy định những thủ tục riêng áp dụng đặc biệt dành cho người dưới 18 tuổi. Một môi trường tương xứng về quyền và nghĩa vụ giữa bên buộc tội và gỡ tội chính là điểm tiên bộ góp phần làm nên kết quả cuối cùng của vụ án, điều đó tạo nên cơ hội và hướng họ tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây nên. Với mục đích giáo dục, thuyết phục dành cho người dưới 18 tuổi là chủ yếu yêu cầu người tiến hành tố tụng đặt mình vào hoàn cảnh, độ tuổi để hiểu rõ về tâm lý của bị cáo là một yêu cầu tất yếu. Sự thấu hiểu về những hi vọng, mong muốn, nguyên nhân điều kiện phạm tội của vụ án sẽ giúp công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đạt hiệu quả đồng thời giúp bị cáo tránh tình trạng căng thẳng, tổn thương ngay cả khi phải đối diện với hình phạt nặng nhất do tội lỗi mình gây ra. Sự khách quan còn thể hiện tại quy định của BLTTHS về bắt buộc tham gia của người đại diện hợp pháp, người bào chữa, gia đình, nhà trường, tổ chức. Đây là những chủ thể có mối quan hệ gần gũi, hiểu rõ hoàn cảnh, điều kiện sinh sống của bị cáo nên sẽ đưa ra những lời khai,

chứng cứ để người tiến hành tố tụng có đánh giá khách quan, toàn diện hơn, bên cạnh đó kết hợp với nhận định và căn cứ pháp luật để người tiến hành tố tụng đưa ra kết quả cuối cùng đúng người, đúng tội. Quy định này nhằm hướng tới sự công bằng trong bảo vệ quyền con người, tránh sự độc tài của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Như vậy, BLTTHS năm 2015 đã quy định về các thủ tục đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ thể này khi tham gia tố tụng; đảm bảo việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện; tạo niềm tin trong nhân dân và nhằm kết hợp giữa các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế với mục đích chính là giúp bị cáo nhận ra sai lầm để sửa chữa sớm làm người lương thiện, có ích cho xã hội. Qua đó, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của chính sách pháp luật của nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật hình sự.

1.4. Nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với bị cáo dưới 18 tuổi

BLTTHS năm 2003 không quy định về các nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với VAHS liên quan đến người dưới 18 tuổi. Khắc phục nhược điểm này, BLTTHS năm 2015 đã xây dựng một điều luật mới (Điều 414) trong đó quy định 07 nguyên tắc mà cơ quan, người tiến hành tố tụng phải quán triệt, tôn trọng và nghiêm túc thực hiện nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi. Những nguyên tắc này được xây dựng trên một số quy định của Công ước về quyền trẻ em và hướng dẫn, giải thích của LHQ về tư pháp cho NCTN.

- Nguyên tắc đảm bảo TTTT thân thiện, phù hợp tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi, đảm bảo lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi.

Xuất phát từ đặc điểm của người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng còn hạn chế về khả năng nhận thức, kiến thức pháp lý chưa đầy đủ nên pháp luật đã có những quy định đặc thù để bảo vệ họ. Do đó phiên tòa xét xử bị cáo dưới 18 tuổi phải khác đi nhiều so với phiên tòa xét xử thông thường. BLTTHS năm 2015 đã quy định thủ tục thân thiện khi tiến hành tố tụng đó là cả yếu tố con người và môi trường xét xử. Con người ở đây là những người tiến hành tố tụng phải

là những người có hiểu biết về tâm lý học, khoa học đối với người dưới 18 tuổi (Điều 415). Khi đó họ mới hiểu được thấu đáo diễn biến tâm lý của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, để từ đó có những câu hỏi phù hợp với nhận thức, lứa tuổi của bị cáo. Môi trường xét xử ở đây là phòng xử án phải bố trí thân thiện (Khoản 2 Điều 423). Phòng xử án thân thiện là một trong những bước đi cụ thể hóa chiến lược cải cách tư pháp để thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ các quyền của trẻ em, NCTN, đặc biệt là công ước về quyền trẻ em. Hiện nay mô hình tòa án gia đình và NCTN đã áp dụng tại TPHCM và TANDTC đã ban hành công văn số 88/TANDTC-PC ngày 01/04/2016 về triển khai thực hiện mô hình phóng xử án. Tất cả nhằm hướng đến việc đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi khi đưa ra xét xử, thể hiện tính nhân văn của pháp luật nước ta.

- Nguyên tắc đảm bảo giữ bí mật cá nhân

Người dưới 18 tuổi mặc dù phạm tội nhưng trên hết họ cần được bảo vệ để có cơ hội hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong bản án. Với quy định đảm bảo giữ bí mật cá nhân cho người dưới 18 tuổi sẽ góp phần xóa đi tình trạng tùy tiện đưa thông tin, hình ảnh của bị cáo lên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tránh việc tùy tiện kết tội trước khi tòa án đưa ra phán quyết cuối cùng, tránh trường hợp Tòa án chịu sức ép từ dư luận. Nội dung của nguyên tắc đã thể hiện quyền của con người theo Hiến pháp năm 2013 và theo Công ước về quyền trẻ em.

- Nguyên tắc đảm bảo quyền tham gia tố tụng của người đại diện của người dưới 18 tuổi, nhà trường, đoàn thanh niên, người có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý xã hội, tổ chức nơi người dưới 18 tuổi lao động và sinh hoạt.

Đây là quy định mang tính bắt buộc, sự tham gia của đối tượng này nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi cho bị cáo và giúp cơ quan tiến hành tố tụng hiểu rõ về nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo. Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện quyền tố tụng của những chủ thể này bao gồm: quyền được đưa ra tài liệu, chứng cứ, trình bày ý kiến, tranh luận, khiếu nại hành vi của người tiến hành tố tụng và các quyết định của Tòa án.

- Nguyên tắc tôn trọng quyền được tham gia, trình bày ý kiến của người dưới 18 tuổi (Điều 61 BLTTHS năm 2015).

Họ có quyền tham gia phiên tòa, nói lên ý kiến, yêu cầu trong quá trình tố tụng để giúp bản thân gỡ tội hoặc giảm nhẹ TNHS. Nói cách khác cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tạo điều kiện cho bị cáo là người dưới 18 tuổi trình bày ý kiến, nguyện vọng và lắng nghe ý kiến của họ.

- Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý

Quyền bào chữa là một trong những quyền cơ bản của người bị buộc tội nói chung và bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng. Đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi pháp luật còn bắt buộc cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa (điểm b khoản 1 Điều 76 BLTTHS năm 2015). Cùng với việc bổ sung trợ giúp viên pháp lý là đối rượng có thể trở thành người bào chữa BLTTHS năm 2015 còn trao cho người bào chữa một số quyền tố tụng mới (Điều 73 BLTTHS năm 2015) nhằm giúp họ có đủ điều kiện để tranh tụng bình đẳng, dân chủ và hiệu quả.

- Nguyên tắc bảo đảm các nguyên tắc xử lý của BLHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Điều 91 BLHS quy định các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là những nguyên tắc định hướng, chi phối việc xây dựng các quy định khác về TNHS của người dưới 18 tuổi, đồng thời đây cũng là những nguyên tắc quan trọng trong việc áp dụng pháp luật hình sự xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Các nguyên tắc nêu trong Điều 91 BLHS được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ trẻ em và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi. Các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi có thể phân chia thành ba nhóm như sau: Nguyên tắc chủ đạo trong xử lý đối với người dưới 18 tuổi; nguyên tắc về áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi; nguyên tắc xử lý chuyển hướng.

- Nguyên tắc chủ đạo trong xử lý đối với người dưới 18 tuổi

Nghiên cứu những trường hợp phạm tội ở người dưới 18 tuổi cho thấy một trong những nguyên nhân, điều kiện thúc đẩy họ thực hiện tội phạm là sự hạn chế,

thiếu sót trong quá trình nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội. Như trên đó nêu, ngay khi sinh ra, con người chưa nhận diện được những đòi hỏi của xã hội về chuẩn mực hành vi. Nhận thức về hệ thống chuẩn mực này hình thành trong quá trình sống thông qua sự tương tác giữa cá nhân với môi trường xung quanh. Nếu những tương tác này là tích cực thì sẽ có tác động nâng đỡ, nuôi dưỡng, phát triển họ thành những cá nhân tốt cho xã hội. Nếu những tương tác này có tính tiêu cực thì sẽ hủy hoại, tác động xấu đến sự phát triển của cá nhân và hệ quả có thể đưa đến hành vi phạm tội.

Mặt khác, cuộc sống của người dưới 18 tuổi cũng cả một thời gian rất dài trong tương lai và việc giáo dục, sửa chữa sẽ có thể giúp họ khắc phục những khiếm khuyết trong quá trình xã hội hóa. Chính từ đặc điểm này, tư tưởng chủ đạo trong việc xử lý đối với người dưới 18 tuổi là phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ, giáo dục họ trở thành người có ích. Cụ thể, khoản 1 Điều 3 của Công ước về quyền trẻ em yêu cầu rằng trong mọi hoạt động liên quan tới trẻ em, lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu. Đồng thời, trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, Điều 40 Công ước về quyền trẻ em quy định: “Các Quốc gia thành viên Công nhận quyền của mọi trẻ em bị tình nghi, bị cáo buộc hay bị xác nhận là đó vi phạm luật hình sự được đối xử theo cách thức phù hợp với việc thúc đẩy nhận thức của trẻ em về nhân cách và phẩm giá vốn có, một cách thức tăng cường sự tôn trọng của trẻ em đối với những quyền và tự do cơ bản của người khác và có tính đến độ tuổi của trẻ em cũng như mong muốn thúc đẩy sự tái hòa nhập của trẻ và giúp trẻ em đảm đương một vai trò có tính chất xây dựng trong xã hội.”[5] Mục I.1 Quy tắc bảo vệ NCTN năm 1990 cũng quy định rằng hệ thống tư pháp NCTN phải duy trì, bảo vệ các quyền, sự an toàn cho NCTN; khuyến khích sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần cho họ. Việc giam giữ chỉ nên sử dụng như là biện pháp cuối cùng. Tương ứng với các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ NCTN, khoản 1 và khoản 3 Điều 91 BLHS nêu nguyên tắc chủ đạo trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội như sau:

- Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

- Việc truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

Với những nguyên tắc đã nêu, khi chọn lựa các biện pháp xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, cơ quan có thẩm quyền phải cân nhắc, xem xét toàn diện lợi ích của người dưới 18 tuổi như các lợi ích về sự phát triển thể chất, tinh thần, các mối quan hệ xã hội... Việc xử lý phải bảo đảm cho họ lợi ích tốt nhất và hướng đến mục đích chủ yếu là giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội. Giáo dục, cải tạo người phạm tội là một quá trình cải biến, loại bỏ những phẩm chất tâm lý tiêu cực đã có ở người phạm tội, đồng thời xây dựng, khôi phục và phát triển những thuộc tính tâm lý tích cực, tiến bộ giúp họ hòa nhập với xã hội, đáp ứng các yêu cầu của xã hội và trở thành người có ích. Để thực hiện được điều này, các cơ quan có thẩm quyền cần xác định nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm, những đặc điểm nhân thân của họ để có thể giúp họ nhận ra được lỗi lầm và sửa chữa, trở thành người có ích.

Trong nguyên tắc chủ đạo xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, luật hình sự cũng đòi hỏi rằng việc truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi chỉ được áp dụng trong những trường hợp thật sự cần thiết trên cơ sở yêu cầu phòng ngừa tội phạm. Điều này có nghĩa là khi có sự lựa chọn giữa việc truy cứu TNHS và không truy cứu TNHS, thì các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ nên truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi phạm tội khi điều này là cần thiết do yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Để đánh giá yêu cầu phòng ngừa tội phạm, các cơ quan tiến hành tố tụng cần dựa vào

các đặc điểm nhân thân phản ánh đặc điểm, phẩm chất tiêu cực cũng như các đặc điểm tích cực ở họ, đồng thời phải đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà họ thực hiện.

- Nguyên tắc bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời

Nguyên tắc này được xây dựng xuất phát từ nhận thức của người dưới 18 tuổi trong vòng quay tố tụng càng lâu sẽ càng chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của quá trình này đến tâm lý của họ. Do đó, các vụ án cần được giải quyết nhanh chóng, tránh sự trì trệ, kéo dài gây ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Tuy nhiên, bên cạnh sự nhanh chóng, kịp thời thì yếu tố chính xác cũng cần phải được đảm bảo.

Việc quy định các nguyên tắc tiến hành tố tụng kể trên là rất cần thiết, thể hiện quan điểm, chính sách nhân đạo của Nhà nước, tạo điều kiện bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của người dưới 18 tuổi trong hoạt động TTTHS - một hoạt động mang tính cưỡng chế và nghiêm khắc. Các nguyên tắc này mang tính bắt buộc và các cơ quan, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện triệt để, nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm hoặc thực thi không đầy đủ gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi. Các nguyên tắc này đã góp phần hoàn thiện hơn những quy định của BLTTHS năm 2015 về TTTT đối với người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng.

Kết luận chương 1

Người dưới 18 tuổi phạm tội là những người còn non nớt về thể chất, tinh thần nên chưa đây là chủ thể đặc biệt của pháp luật hình sự. Việc quy định TTXX phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, tâm lý của người dưới 18 tuổi sẽ giúp họ ăn năn, hối cải, tránh đi sự mặc cảm, nhận ra sai lầm để tự rèn luyện nhân cách và tái hòa nhập cộng đồng vì pháp luật ngoài mục đích trừng trị, răn đe người phạm tội còn mang mục đích giáo dục, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, pháp luật dành cho họ những ưu đãi đặc biệt. Do đó, việc pháp luật TTHS quy định TTXX đặc biệt áp dụng cho bị cáo mang những đặc trưng về lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý, khả năng nhận thức sẽ giúp cho người tiến hành tố tụng có biện pháp xử lý phù hợp đối với đối tượng là người dưới 18 tuổi

Trong phạm vi chương I, tác giả đưa ra những vấn đề lý luận chung về TTXX sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như khái niệm, cơ sở quy định, đặc điểm, mục đích và nguyên tắc tiến hành thủ tục xét xử sơ thẩm đối với đối tượng này. Ngoài ra, chương I còn đề cập đến lịch sử tiến hành tố tụng và một số đối với đối tượng là người chưa thành niên phạm tội, qua đó thể hiện được tinh thần nhân đạo và chính sách hình sự của nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích của họ.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM ĐỐI VỚI BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI

Như đã trình bày, đặc điểm thủ tục xét xử của bị cáo là người dưới 18 tuổi vừa tuân thủ quy định chung về thủ tục xét xử vừa có thủ tục riêng cho vụ án mà bị cáo dưới 18 tuổi. Vì vậy, ngoài những quy định chung khi xét xử cần tuân thủ các quy định riêng về thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi. Phạm vi chương 2 chủ yếu trình các quy định về thủ tục riêng trong xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi.

2.1. Khái quát lịch sử xây dựng và phát triển của thủ tục xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi

- Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam nhân dân ta thực sự làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Ngay sau khi được thành lập, chính quyền cách mạng non trẻ một lúc phải đối phó với muôn vàn khó khăn, thử thách; vừa phải giải quyết những khó khăn trong đời sống hàng ngày, hậu quả trong chính sách đô hộ của thực dân, đế quốc vừa phải đối phó với âm mưu xâm lược của Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc và thực dân Pháp ở miền Nam. Trước bối cảnh “thù trong, giặc ngoài” đó, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là bằng mọi hình thức, phương tiện, công cụ bảo vệ chính quyền cách mạng. Vì vậy, đồng thời với các biện pháp khác, Nhà nước ta đã sử dụng pháp luật, đặc biệt là pháp luật hình sự như một công cụ sắc bén để đè bẹp mọi sự phản kháng và âm mưu xâm lược. Do vậy, trong thời kỳ này, hàng loạt các sắc lệnh được ban hành để thực hiện nhiệm vụ cách mạng cụ thể:

- + Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/02/1946 về tổ chức các tòa án quân sự;
- + Sắc lệnh số 26/SL ngày 25/02/1946 trừng trị bọn phá hoại công sản;
- + Sắc lệnh số 27/SL ngày 28/02/1946 trừng trị tội bắt cóc, tống tiền, ám sát;
- + Sắc lệnh số 40/SL ngày 29/3/1946 đảm bảo tự do cá nhân;

- + Sắc lệnh số 223/SL ngày 27/11/1946 trừng trị bọn hồi lộ, biển thủ, phù lạm;
- + Sắc lệnh số 133/SL ngày 20/01/1953 trừng trị tội xâm hại đến an toàn Nhà nước;
- + Sắc lệnh 150/SL và 151/SL ngày 12/4/1953 trừng trị bọn địa chủ cường hào ngoan cố...

Những sắc lệnh này không chỉ đã góp phần bảo vệ thành công chính quyền cách mạng mà còn có ý nghĩa quan trọng vào việc củng cố xây dựng vững chắc Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Hiến pháp năm 1946 ra đời đã có những quy định chung cho thấy những quan tâm của chính quyền với trẻ em. Hoạt động TTHS chủ yếu dựa trên những quy định chung của Hiến pháp điều chỉnh hoạt động tư pháp. Mặc dù những quy định này còn đơn giản nhưng đã ghi nhận một số quyền của bị can, bị cáo khi tham gia tố tụng. Ví dụ Điều 11 Hiến pháp năm 1946 quy định: "Tư pháp chưa quy định thì chưa được bắt bớ và giam cầm công dân Việt Nam", Điều 67 và 68 quy định: "Các phiên tòa đều phải công khai, trừ trường hợp đặc biệt", "bị cáo được bào chữa, lấy hoặc mượn luật sư", "Cấm không được tra tấn, đánh đập, ngược đãi bị cáo và phạm nhân". Những quy định trên về cơ bản đảm bảo cho bị cáo nói chung và bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng được xử lý theo thủ tục khách quan, công bằng theo đúng quy định của pháp luật. Những quy định trên mang tính tiền đề, định hướng cho sự hình thành và phát triển các TTTT đặc biệt đối với bị cáo là NCTN trong các giai đoạn sau. Nhìn chung trong giai đoạn này vẫn chưa có văn bản pháp luật riêng biệt quy định về TTTT đối với bị cáo là người chưa thành niên, các quy định quyền và nghĩa vụ của bị cáo còn rất chung chung nên chưa đảm bảo quyền và lợi ích của họ.

- Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi bằng chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. Nhiệm vụ của LHS trong giai đoạn này chủ yếu nhằm bảo vệ

Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, trừng trị bọn phản cách mạng.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Nhà nước đã ban hành một số văn bản pháp luật hình sự, bao gồm:

+ Sắc lệnh số 267/SL ngày 15/6/1956 về trừng trị âm mưu và hành động phá hoại tài sản Nhà nước, hợp tác xã và tài sản của công dân;

+ Luật ngày 24/01/1957 đảm bảo quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân;

+ Sắc lệnh 01/SL ngày 19/4/1957 về cấm mọi hành động về đầu cơ kinh tế;

+ Pháp lệnh ngày 13/10/1966 về cấm nấu rượu trái phép;

+ Pháp lệnh ngày 30/10/1967 về trừng trị các tội phản cách mạng.

Trong thời gian này, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ban hành luật số 11/58 ngày 3/7/1958 thiết lập Tòa án thiếu nhi. Điều 1 Luật này quy định: “Tòa án thiếu nhi sẽ được thiết lập bằng sắc lệnh tại nơi cảm thấy cần thiết”. Tòa án thiếu nhi có thẩm quyền xét xử các bị cáo nhỏ hơn 18 tuổi can tội đại hình hay tiểu hình. Tuy nhiên, trong trường hợp có đồng phạm hoặc đồng lõa 18 tuổi hoặc trên 18 tuổi, Tòa án thường có thẩm quyền xét xử nhưng phải áp dụng luật thiếu nhi với can phạm nhỏ 18 tuổi. Nhìn chung, việc thiết lập Tòa án thiếu nhi này chỉ mang tính hình thức, máy móc. Mục đích của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa nhằm sử dụng chiêu bài dân chủ, nhân đạo mang tính mị dân nhằm che đậy những mưu đồ phản động. Các quy định đối với trẻ em chưa được thể hiện rõ trong các văn bản luật thời kỳ này, quy định về quyền và nghĩa vụ còn rất chung chung, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho trẻ em.

Ở miền Bắc sau khi Hiến pháp năm 1959 ra đời, trong một số văn kiện của Đảng và Nhà nước đã thể hiện sự quan tâm, chăm sóc và giáo dục thế hệ nhi đồng. Các luật, thông tư thể hiện đảm bảo các quyền, lợi ích cho bị cáo là NCTN có thể kể đến như sau: Luật tổ chức TAND năm 1960 Điều 7 quy định: Quyền bào chữa của bị cáo được đảm bảo. Ngoài việc tự bào chữa ra, bị cáo có thể nhờ luật sư bào chữa cho mình. Bị cáo cũng có thể nhờ công dân được đoàn thể nhân dân giới thiệu hoặc

được TAND chấp nhận bào chữa cho mình. Khi cần thiết, TAND chỉ định bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, trường hợp cần thiết lại không được quy định cụ thể, gây khó khăn khi áp dụng. Thông tư số 16/TATC ngày 27/09/1974 của Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục sơ thẩm về hình sự cũng có hướng dẫn như sau:” Nếu bị cáo là NCTN, Tòa án có thể yêu cầu cha mẹ, người giám hộ, giáo viên giúp đỡ đặt câu hỏi cho bị cáo nhưng cũng có thể yêu cầu những người này tạm rời phòng xử án nếu sự có mặt của họ làm cho bị cáo không giám khai. Sau khi bị cáo đã khai, chủ tọa phiên tòa phải nhắc lại lời khai đó cho người đã tạm rời phòng xử án biết”. Ở miền Nam, ngày 20/12/1972 BLTTHS của Việt Nam Cộng Hòa được ban hành. Một số quy định về TTTT đối với người dưới 18 tuổi được đề cập nhưng vẫn còn sơ sài.

Trong giai đoạn này đã có một số quy định thể hiện chính sách nhân đạo của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đối với NCTN nhưng các quy định chưa rõ ràng, cụ thể, do đó quyền lợi chính đáng của NCTN vẫn còn chưa được bảo vệ. Hoạt động tố tụng vẫn chủ yếu dựa vào các bản án lệ, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhưng cơ bản và quan trọng nhất đây là nền móng cho sự phát triển của chế định về thủ tục đặc biệt cho các giai đoạn sau.

- Giai đoạn từ năm 1975 đến năm 2003

Sau chiến thắng lịch sử năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Cách mạng nước ta đi vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trước tình hình cách mạng mới của dân tộc, Luật Hình sự có những đổi mới về nhiệm vụ, sự thay đổi đó thể hiện ở chỗ nhiệm vụ Luật Hình sự giai đoạn này được mở rộng trên phạm vi cả nước và nội dung chính là bảo vệ vững chắc Nhà nước xã hội chủ nghĩa và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Ngày 18//12/1980 Quốc hội thông qua Hiến pháp 1980. Ngày 03/07/1981 Quốc hội thông qua Luật tổ chức TAND thay thế luật tổ chức TAND năm 1960. Ngày 04/07/1981 Quốc hội thông qua Luật VKSND thay thế Luật tổ chức VKSND năm 1960. Năm 1985 BLHS đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời đã dành Chương VII gồm 11 điều (Điều 57 đến Điều 67) quy định về những vấn đề về

NCTN. Trên cơ sở đó, ngày 28/06/1988 BLTTHS được Quốc hội thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/1989 thay thế cho các văn bản pháp luật đơn lẻ trước đây về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử án hình sự nói chung và thủ tục tố tụng áp dụng cho NCTN nói riêng.

BLTTHS năm 1988 ra đời đánh dấu bước tiến của nền tư pháp Việt Nam trên cơ sở kế thừa những giá trị tốt đẹp của pháp luật TTHS truyền thống và pháp luật TTHS Liên Xô cũ. Trong đó lần đầu tiên quy định về trình tự, thủ tục đối với bị can, bị cáo là NCTN (Chương XXXI) khá chặt chẽ hơn về quyền, lợi ích của NCTN cũng như trách nhiệm của người tiến hành tố tụng. Điều này là hoàn toàn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước bấy giờ. Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, BLTTHS năm 1988 đã bộc lộ những hạn chế trong các quy định khi áp dụng. Do đó để kịp thời khắc phục những bất cập, BLTTHS năm 2003 được thông qua theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2011 của Quốc hội khóa X, kì họp thứ 10.

- Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2015

Mặc dù BLTTHS năm 2003 được ban hành nhưng các quy định vẫn còn những bất cập so với thực tiễn. Một số quy định còn rườm rà, không cần thiết; các quy định đảm bảo quyền và lợi ích của NCTN vẫn chưa được pháp luật ghi nhận đầy đủ. Do đó, trên tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và kết quả lấy ý kiến của nhân dân, ngày 27/11/2015 tại kì họp lần thứ 10, Quốc hội khóa 13 đã thông qua BLTTHS năm 2015 và ban hành Nghị quyết số 110/2015/QH13 về việc thi hành BLTTHS này. Bộ luật gồm 510 Điều chia làm 9 phần, 36 chương với những điểm mới so với BLTTHS năm 2003. Nhiệm vụ của của luật Hình sự được quy định tại Điều 1 BLHS 2015 đã được sửa đổi, bổ sung 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/ 2018: “Bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”. Trong đó, TTTT đối với NCTN đã được đổi tên thành tử tặc

tổ tụng đối với người dưới 18 tuổi. TTTT này đặc biệt quan trọng để đảm bảo khi tiếp xúc với cơ quan, người tiến hành tố tụng thì các em được đối xử một cách thân thiện, công bằng, được tạo cơ hội hướng dẫn để chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình, tránh mắc phải sai phạm như vậy trong tương lai. Việt Nam tham gia Công ước quốc tế về quyền trẻ em, nhất là những trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội. BLTTHS năm 2015 dành Chương XXVIII để quy định về thủ tục đặc biệt cho người dưới 18 tuổi. Các quy định áp dụng cho người dưới 18 tuổi đã được bổ sung đầy đủ hơn. Điều đó cho thấy Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan tâm đối với đối tượng đặc biệt này. BLTTHS năm 2015 ra đời là tiền đề của sự đổi mới, hoàn thiện về lý luận và thực tiễn nhằm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia kí kết.

Tóm lại, quá trình hình thành và phát triển TTXX đối với người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trong quá trình hội nhập quốc tế, quyền con người ngày càng được quan tâm bảo vệ, đặc biệt là quyền của trẻ em. Vì vậy, các quy định của pháp luật hiện hành càng nên được cụ thể hóa để đảm bảo quyền của người dưới 18 tuổi, phù hợp với bản chất của Nhà nước ta “là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”.

2.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015 về thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi

2.2.1 Những vấn đề cần xác định trong vụ án mà bị cáo dưới 18 tuổi

Khi thụ lý hồ sơ một VAHS có dưới 18 tuổi phạm tội, Thẩm phán cần nghiên cứu xem ngoài các tài liệu, chứng cứ như đối với những vụ án thông thường khác, cần kiểm tra xem đã có đủ các tài liệu, chứng cứ để xác định:

Thứ nhất, về độ tuổi cụ thể của bị cáo. Chú ý là chứng cứ xác định độ tuổi phải được tính theo ngày, nếu không rõ ngày phải tính vào ngày cuối của tháng, nếu không rõ tháng phải tính vào tháng cuối của năm; Việc xác định độ tuổi của bị cáo chưa thành niên thông thường dựa trên một số giấy tờ pháp lý như Giấy khai sinh, Giấy chứng sinh, Sổ hộ khẩu, hộ tịch của họ. Tuy nhiên, trong thực tế ở nước ta, một số địa phương do khó khăn về địa lý, nhận thức của người dân còn hạn chế và

một số lý do khác mà việc khai sinh cho trẻ em chưa được quan tâm đúng mức, có nhiều trẻ em không được khai sinh hoặc khai sinh không chính xác về ngày, tháng, năm sinh nên việc xác định tuổi của bị can, bị cáo không đúng sẽ dẫn tới việc truy cứu TNHS sai hay áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt không chính xác. Do vậy, khi xét xử các VAHS có bị cáo là NCTN, Tòa án cần phải xác định đúng tuổi của họ cũng như trình độ phát triển về thể chất, tinh thần và mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của họ. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 lại không có quy định nào về cách xác định độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi. Trong khi đó trên thực tế đã có rất nhiều các vụ án hình sự khiến các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải “đau đầu” trong quá trình giải quyết khi không đủ căn cứ để xác định chính xác độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi. Để giải quyết vấn đề này các cơ quan tư pháp Trung ương đã phải ra Thông tư hướng dẫn. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những quy định của Thông tư 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12/07/2011 giữa các cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về xác định độ tuổi đối với bị can, bị cáo và người bị hại là người chưa thành niên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã đưa vào một điều luật cụ thể Điều 417 quy định chặt chẽ về cách xác định độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi, cụ thể như sau:

Việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác thì ngày, tháng, năm sinh của họ được xác định:

- Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh.

- Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh.

- Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh.

- Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh.

- Trường hợp không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi.

Tòa án chỉ xét xử khi có đủ các căn cứ kết luận độ tuổi chính xác của bị cáo để xác định tuổi chịu TNHS của bị cáo cũng như việc áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt đối với bị cáo.

Thứ hai, bên cạnh yêu cầu phải xác định độ tuổi, pháp luật TTHS cũng đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng phải làm rõ mức độ phát triển về thể chất, tinh thần cũng như mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của bị can, bị cáo là NCTN để giải quyết vụ án được đúng đắn, chính xác. Mức độ phát triển về tinh thần nhiều khi cũng ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của con người, ví dụ như những người có trí tuệ phát triển chậm hơn so với lứa tuổi, thể chất kém hơn so với lứa tuổi... thì họ không ý thức đầy đủ về hành vi của mình cũng như hạn chế cách thức thực hiện tội phạm. Việc làm rõ trình độ phát triển và mức độ nhận thức về hành vi của NCTN có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá chứng cứ và xác định mức độ, tính chất TNHS đối với họ. Nếu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án xác định không đúng sẽ gây ra những hậu quả tiêu cực và không công bằng khi giải quyết vụ án, vì nó liên quan đến tương lai của một con người, đặc biệt là lý lịch tư pháp của họ. Việc xác định những vấn đề này có thể thực hiện thông qua việc lấy lời khai của cha mẹ của bị can, những người đã từng là thầy giáo, cô giáo của bị can cũng như bạn bè, người thân của họ, nhận xét của địa phương nơi bị can cư trú. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia về tâm lý của NCTN để xác định chính xác khả năng nhận thức của NCTN phạm tội.

Như vậy, có thể thấy điều 417 BLTTHS năm 2015 đã có sự sửa đổi, bổ sung so với điều 11, 12 của Thông tư số 01 về cách xác định độ tuổi của bị can, bị cáo, người bị hại là người dưới 18 tuổi, đó là:

- Điều 417 BLTTHS năm 2015 đã mở rộng hơn về phạm vi đối tượng để xác định độ tuổi dưới 18 tuổi: Theo Thông tư số 01 thì đối tượng để xác định độ tuổi dưới 18 tuổi là bị can, bị cáo và người bị hại, nhưng trên thực tế khi bắt, tạm giữ người dưới 18 tuổi thì các cơ quan tiến hành tố tụng đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu xác định độ tuổi của họ trước khi ra quyết định khởi tố bị can. Vì vậy khoản 1 điều 417 đã quy định cụ thể đối tượng là người bị buộc tội (gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo) và người bị hại dưới 18 tuổi để buộc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thực hiện các biện pháp xác minh độ tuổi đối với người bị buộc tội trước khi ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can thay vì thực hiện tùy nghi như trước đây nhằm hạn chế đến mức thấp nhất trong một số trường hợp khởi tố vụ án, khởi tố bị can sau đó phải đình chỉ do người phạm tội dưới 18 tuổi.

- Về cách xác định độ tuổi của người bị hại theo khoản 2 điều 417 đã có sự thay đổi: Theo điều 12 của Thông tư số 01 thì cách xác định tuổi của người bị hại theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo, có nghĩa là trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định chính xác ngày, tháng sinh của người bị hại thì lấy ngày đầu tiên của tháng, của quý, của năm đó để làm ngày tháng sinh. Trong khi đó khoản 2 điều 417 lại quy định cách xác định độ tuổi của người bị buộc tội và người bị hại là như nhau (đều lấy ngày cuối cùng của tháng, của quý, của năm để làm ngày, tháng sinh).

Có thể thấy cách xác định độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi theo điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã bảo đảm được sự công bằng giữa người bị buộc tội với người bị hại theo nguyên tắc cơ bản của Bộ Luật Tố tụng hình sự là “bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật”, tuy nhiên về một góc độ nào đó lại không thể hiện được tinh thần của nguyên tắc suy đoán vô tội, có nghĩa là nếu không chứng minh được thì nên tính theo hướng có lợi

người bị buộc tội. Thiết nghĩ điều 417 nên quy định cách xác định độ tuổi của người bị buộc tội và người bị hại theo tinh thần của Thông tư số 01 sẽ là phù hợp hơn.

2.2.2. Người tiến hành tố tụng trong vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

BLTTHS năm 2015 đã quy định những tiêu chuẩn cần thiết của người tiến hành tố tụng trong vụ án có người dưới 18 tuổi (Điều 415). Họ không chỉ cần có kiến thức pháp luật mà còn phải đáp ứng những yêu cầu hiểu biết về tâm lý, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi. Việc đặt ra những yêu cầu trên xuất phát từ những lý do như sau:

Thứ nhất, do đặc điểm của người dưới 18 tuổi chưa phát triển toàn diện về trí tuệ, thể chất, tinh thần nên khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của họ chưa đầy đủ. Chính sự hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục sẽ giúp người tiến hành tố tụng thấu hiểu đầy đủ đặc điểm nhân thân, điều kiện phạm tội của bị cáo.

Thứ hai, người tiến hành tố tụng hơn ai hết chính là những người quyết định kết quả cuối cùng của vụ án. Việc thấu hiểu tâm tư, cảm xúc, suy nghĩ, tình cảm, hoàn cảnh gia đình, của bị cáo sẽ giúp cho họ có sự cảm thông, có cái nhìn bao quát hơn về tội lỗi do bị cáo dưới 18 tuổi gây ra.

Thứ ba, yêu cầu đặt ra đối với người tiến hành tố tụng về sự hiểu biết cần thiết về tâm lý, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi thể hiện nguyên tắc nhân đạo của Nhà nước ta trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tóm lại kiến thức về tâm lý, khoa học giáo dục là tiêu chuẩn rất quan trọng và cần thiết đối với người tiến hành tố tụng khi được phân công giải quyết các vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện. Do đó, trong hoạt động từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử chúng ta không thể áp dụng máy móc những suy luận mang tính lý thuyết mà phải xem xét toàn diện, đầy đủ các tình tiết liên quan, tránh áp đặt một chiều từ người tiến hành tố tụng nhằm hạn chế mức tối đa việc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp làm những ảnh hưởng tiêu cực đến tương lai của bị cáo.

BLTTHS năm 2015 sử dụng thuật ngữ người tiến hành tố tụng (khoản 2 Điều 34) bao gồm: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm tra viên; Chánh án, Phó chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư kí Tòa án,

Thẩm tra viên. Quy định này đầy đủ hơn quy định của khoản 1 Điều 302 BLTTHS năm 2003 (chỉ bao gồm Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán). Đây là những người có trách nhiệm trực tiếp trong việc giải quyết vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện. Những quyết định của họ có ảnh hưởng rất lớn về tương lai, cuộc sống của người phạm tội. Thành phần HĐXX trong VAHS có người dưới 18 tuổi cũng giống như quy định chung về xét xử VAHS tại điều 254 BLTTHS năm 2015. HĐXX bao gồm một thẩm phán và 2 Hội thẩm, trong các vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì HĐXX gồm 2 Thẩm phán và 3 Hội thẩm. Sở dĩ quy định như vậy là do nhà làm luật chỉ quan tâm tới tính chất phức tạp, mức độ nghiêm trọng của vụ án mà không quan tâm tới việc ai thực hiện.

Thẩm phán là người trực tiếp đưa ra những câu hỏi bị cáo nên việc hiểu về tâm lý, khoa học là yêu cầu cần thiết để có phán quyết đúng đắn. Bên cạnh đó, Hội thẩm cũng đóng vai trò quan trọng trong xử lý vụ án. Hội thẩm là tiếng nói của nhân dân tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực tố tụng, họ góp phần đưa ra bản án hợp tình, hợp lý không mang nặng tính trừng phạt mà nhằm giáo dục, giúp đỡ người phạm tội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành người có ích cho xã hội. Ngoài những tiêu chuẩn được quy định tại Điều 85 Luật tổ chức TAND năm 2014 thì Hội thẩm trong thành phần HĐXX phải là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên. Khoản 1 Điều 423 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung chủ thể trong thành phần hội thẩm đó là người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi. Đây là điểm mới so với khoản 1 Điều 307 BLHS năm 2003. Quy định này mở rộng đối tượng có thể trở thành Hội thẩm nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn xét xử các vụ án có bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Những người này có thể là những người tham gia các hoạt động xã hội trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em. Quy định bắt buộc này có ý nghĩa vì giáo viên và cán bộ Đoàn thanh niên là những người gần gũi với các em, có thể dễ thông cảm, sẻ chia và thấu hiểu các em để từ đó có những câu hỏi phù hợp với đặc điểm của người dưới 18 tuổi.

Bên cạnh đó, nhà làm luật đặt ra yêu cầu đối với người tiến hành tố tụng là phải “có hiểu biết cần thiết về tâm lý, khoa học giáo dục đối với người dưới 18

tuổi”. Đây là quy định mang tính chung chung, không rõ ràng, cụ thể, dẫn đến rất nhiều trường hợp những người tiến hành tố tụng không đảm bảo những kiến thức cần thiết nêu trên, bởi vì sự quy định cần thiết là như thế nào tùy thuộc vào đánh giá của từng người, từng địa phương khác nhau. Điều 4 Thông tư liên tịch số 01 cũng không có hướng dẫn cụ thể về vấn đề nêu trên. Như thế nào là hiểu biết hay không cần thiết về tâm lý khoa học giáo dục? Những hiểu biết này thể hiện qua bằng cấp, chứng chỉ gì? Với những quy định hiện tại đã gây tâm lý chủ quan cho người tiến hành tố tụng, dẫn đến chất lượng xét xử trong một số vụ án có người dưới 18 tuổi không hiệu quả, người tiến hành tố tụng không khai thác sâu khía cạnh tâm lý của bị cáo.

Quy định về thành phần HĐXX đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi về cơ bản đã kế thừa tinh thần của Công ước về quyền trẻ em mà Việt Nam là thành viên (Điều 40). Kiến thức tâm lý học, khoa học giáo dục không chỉ là tiền đề để giải quyết vụ án khách quan, hợp lý mà còn thể hiện tính nhân văn trong việc áp dụng pháp luật vừa cương quyết vừa mềm dẻo. Do đó việc đưa ra những cơ sở xác định tiêu chuẩn, yêu cầu đối với người tiến hành tố tụng là cần thiết nhằm đảm bảo tính công bằng và bảo vệ quyền lợi của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

2.2.3. Người bào chữa trong vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

Bào chữa là một trong những quyền tố tụng quan trọng của người dưới 18 tuổi bị buộc tội được ghi nhận bởi nhiều Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Người phạm tội có thể thực hiện quyền này bằng cách tự bào chữa, nhờ người bào chữa cho mình. Bị cáo là người dưới 18 tuổi thường gặp nhiều khó khăn trong việc tự bảo vệ mình. Để đảm bảo quyền lợi của họ, pháp luật đã có quy định bắt buộc phải có người bào chữa tham gia trong các vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện. Người bào chữa đóng vai trò rất quan trọng trong việc giúp đỡ người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa. Người bào chữa đại diện cho bên gỡ tội, bằng kinh nghiệm nghề nghiệp và sự hiểu biết của mình, người bào chữa góp phần vào

việc xác định vụ án, đưa ra những căn cứ, luận điểm bảo vệ bị cáo, tránh bị buộc tội oan sai.

Quyền bào chữa của người bị buộc tội trong TTHS là quyền của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện việc bào chữa trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ TNHS trong VAHS hoặc để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Những vấn đề liên quan đến quyền bào chữa của người bị buộc tội trong BLTTHS năm 2015 đã có nhiều thay đổi, bổ sung so với quy định trong BLTTHS năm 2003. Sự thay đổi thể hiện ở các nội dung:

Thứ nhất: Mở rộng diện người bào chữa gồm cả Trợ giúp viên pháp lý để bào chữa miễn phí cho những đối tượng thuộc diện chính sách. Khoản 2 Điều 72 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa: “Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý”. Quy định mở rộng diện người bào chữa không chỉ nhằm tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội mà còn phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn hiện nay, khi đa phần trợ giúp viên pháp lý đều không có thể luật sư nên khó khăn trong việc tiếp cận và bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo tính công bằng và khách quan, BLTTHS năm 2015 đã quy định thêm những trường hợp không được bào chữa so với BLTTHS năm 2003 đó là: “...b) *Người tham gia vụ án đó với tư cách là người định giá tài sản, người dịch thuật.* c) *Người đang bị truy cứu TNHS, người bị kết án mà chưa được xóa án tích, người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc*”[3]. Với quy định này, BLTTHS năm 2015 đã tạo được một hành lang pháp lý khá đầy đủ trong việc xác định những chủ thể nào được cơ quan tiến hành tố tụng công nhận là người bào chữa.

Thứ hai: BLTTHS năm 2015 đã quy định mới liên quan đến việc lựa chọn, thay đổi hoặc từ chối người bào chữa. Theo khoản 1 Điều 422 BLTTHS: “*người bào chữa do người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ lựa*

chọn”. So với BLTTHS năm 2003 ngoài quy định đối tượng được bào chữa bắt buộc thì quy định trong BLTTHS hiện hành đã mở rộng phạm vi chủ thể được bào chữa đó là người bị bắt, người bị tạm giữ. Đây là quy định “ưu đãi” cho các đối tượng đang bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Khi nói đến quyền lựa chọn người bào chữa nghĩa là nói đến quyền lợi chính đáng của người dưới 18 tuổi cần được bảo vệ. Có nhiều quan điểm liên quan đến việc lựa chọn người bào chữa. Có quan điểm cho rằng việc lựa chọn người bào chữa cho người bị buộc tội phải do người đại diện hoặc người thân thích của họ thực hiện, do những hạn chế về nhận thức nên không thể căn vào ý kiến của người bị buộc tội. Quan điểm này đã có những hạn chế nhất định khi phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người đại diện, người thân thích nếu họ không đồng ý có luật sư thì đó là lý do để luật sư từ chối bào chữa cho bị cáo. Một số quan điểm khác lại cho rằng việc lựa chọn người bào chữa trong trường hợp này phải do người dưới 18 tuổi thực hiện. Theo chúng tôi, việc lựa chọn người bào chữa phải do chính người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng thực hiện. Nhưng cũng không vì vậy mà tuyệt đối hóa quyền lựa chọn bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Cần nhìn nhận rằng, người dưới 18 tuổi có những hạn chế nhất định về vật chất, tinh thần, có những nhận thức chưa đầy đủ về vai trò quan trọng của việc cần phải có người bào chữa trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại khoản 2 Điều 422 quy định “*người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội*”[3]. Quy định trên đã khẳng định sự phụ thuộc vào ý kiến của người đại diện, bị cáo không có quyền quyết định lựa chọn người bào chữa cho mình. Việc sử dụng từ “hoặc” trong trường hợp này có thể sẽ dẫn đến cách hiểu không chính xác là người đại diện khi đã lựa chọn người bào chữa thì không tự mình bào chữa cho bị cáo và ngược lại.

Trong những vụ án do người đủ 18 tuổi thực hiện thì bị cáo có thể có quyền lựa chọn cũng như quyết định có hay không có sự tham gia của người bào chữa (trừ quy định bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt là từ 20 năm tù, tù chung thân, tử hình). Khác với những quy định trên, trong những

vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện thì việc tham gia của người bào chữa là bắt buộc. Việc bắt buộc này không phải đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi hay người đại diện, người thân thích của họ mà sự bắt buộc này là đối với cơ quan tiến hành tố tụng. Xuất phát từ nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa cho người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo, BLTTHS năm 2015 đã ghi nhận Điều 76 về những trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa. Việc lựa chọn người bào chữa trước hết phải do người bị buộc tội dưới 18 tuổi, người đại diện hoặc người thân thích của họ thực hiện, nếu họ không thực hiện quyền đó thì cơ quan tiến hành tố tụng mới có trách nhiệm yêu cầu Đoàn luật sư, trung tâm trợ giúp pháp lý bào chữa cho họ, đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc cử người bào chữa cho những thành viên của tổ chức mình. Việc quy định như trên nhằm đảm bảo quyền lợi cho người dưới 18 tuổi nói chung và bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng khi tham gia tố tụng.

Ngoài ra pháp luật cũng quy định cho người bị buộc tội, người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội có quyền đề nghị thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đã được cử. Theo Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP, ngày 02/10/2004 Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTHS năm 2003 quy định một số trường hợp yêu cầu thay đổi, từ chối người bào chữa được Tòa giải quyết như sau:

Trường hợp yêu cầu thay đổi người bào chữa, thì Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 56 của BLTTHS năm 2003 (nay là Điều 72 BLTTHS năm 2015), hướng dẫn tại mục 1 phần II của Nghị quyết này để xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận như sau: Trường hợp bị can, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ chưa nhờ người bào chữa hoặc đã nhờ người bào chữa nhưng nay nhờ người bào chữa khác hoặc đã nhờ người bào chữa và nay tiếp tục nhờ người đó bào chữa thì căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 56 BLTTHS năm 2003 (nay là điểm a khoản 4 Điều 72 BLTTHS năm 2015) để từ chối hoặc chấp nhận thay đổi người bào chữa theo hướng dẫn tại điểm d mục 3 Phần II của Nghị quyết này.

Trường hợp yêu cầu từ chối người bào chữa (kể cả trường hợp đã có yêu cầu từ chối người bào chữa trước khi mở phiên tòa), thì HĐXX cần phải giải thích cho họ biết người bào chữa sẽ giúp bị cáo về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo và chi phí cho người bào chữa do Tòa án thanh toán. Đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà cả bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến từ chối người bào chữa thì cần phải ghi vào biên bản phiên tòa và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung mà không có sự tham gia của người bào chữa đã được cử. Nếu chỉ có bị cáo từ chối người bào chữa, còn người đại diện hợp pháp của bị cáo không từ chối người bào chữa hoặc ngược lại thì tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung, có sự tham gia của người bào chữa đã được cử.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 422 BLTTHS năm 2015 thì người buộc tội có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa. Quy định trên theo chúng tôi chưa thể hiện đầy đủ nội dung quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Quyền bào chữa của bị can, bị cáo gồm hai bộ phận không thể tách rời nhau, đó là “tự bào chữa” và “nhờ người khác bào chữa”. Hai bộ phận này không thể loại trừ nhau. Bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa đồng thời cũng có quyền nhờ người khác bào chữa và ngược lại bị can, bị cáo đã nhờ người khác bào chữa thì họ vẫn có thể tự bào chữa để bổ sung ý kiến của người bào chữa.

Ngoài ra quy định về việc từ chối người bào chữa chỉ định của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có hạn chế. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC, khi có sự mâu thuẫn giữa bị cáo là người dưới 18 tuổi và người đại diện hợp pháp của họ trong việc từ chối người bào chữa chỉ định thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung, có sự tham gia của người bào chữa đã được cử. Điều này có nghĩa khi và chỉ khi cả bị cáo và người đại diện hợp pháp thống nhất ý kiến từ chối người bào chữa chỉ định thì người này mới không tham gia phiên tòa. Cách hướng dẫn trên của Hội đồng thẩm phán TANDTC là hợp lý, đảm bảo việc hỗ trợ pháp lý của người bào chữa chỉ định được thực hiện trong nhiều vụ án, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo là người

dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 không những không pháp điển hóa hướng dẫn này mà còn quy định ngược lại là chỉ cần dưới 18 tuổi bị buộc tội hoặc người đại diện, người thân thích của họ từ chối người bào chữa chỉ định thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập biên bản và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa. Bộ luật cũng thể hiện một sự thiếu sót khi tại điểm b khoản 5 Điều 78 trong đó quy định cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng kí bào chữa khi người bị buộc tội thuộc trường hợp được bào chữa chỉ định từ chối người bào chữa mà không đề cập đến trường hợp người đại diện hoặc người thân thích từ chối. Những quy định này tạo thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án vì không phải tìm người bào chữa chỉ định, nhưng ngược lại không bảo vệ, giúp đỡ được người dưới 18 tuổi bị buộc tội, mục đích chính của việc bào chữa chỉ định.

BLTTHS năm 2015 đã mở rộng quyền của người bào chữa và những cơ chế đảm bảo cho những quyền này được thực hiện trên thực tế. Qua đó việc bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi vừa giúp cho pháp luật được thực thi nghiêm minh, hạn chế oan sai trong quá trình giải quyết VAHS. Đây là nỗ lực lớn trong quá trình cải cách tư pháp, nhằm mục đích tốt hơn bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạn chế oan sai trong TTHS và nâng cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng.

2.2.4. Việc tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, tổ chức trong các vụ án mà bị cáo dưới 18 tuổi

Việc tham gia của người đại diện, nhà trường, tổ chức trong các vụ án có người dưới 18 tuổi mang ý nghĩa quan trọng. Thứ nhất, sự tham gia của các chủ thể trên sẽ là nguồn động viên tinh thần, là chỗ dựa tâm lý của bị cáo, giúp họ giảm đi áp lực sợ hãi. Thứ hai, việc tham gia các chủ thể trên góp phần làm sáng tỏ sự thật vụ án khi những chủ thể này có quyền đưa ra những chứng cứ, tài liệu liên quan đến nhân cách, đạo đức, lối sống của bị cáo... giúp cơ quan tiến hành tố tụng có nhận xét khách quan, toàn diện, toàn diện, giải quyết vụ án hiệu quả. Thứ ba, với tính nhân đạo của Nhà nước khi bắt buộc có người đại diện, nhà trường, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho bị cáo dưới 18 tuổi trong các vụ án đã là

nguồn động viên toàn xã hội nâng cao ý thức, trách nhiệm hơn trong chăm sóc, giáo dục, quản lý người dưới 18 tuổi. Tính nhân văn của pháp luật luôn hướng đến sự giáo dục, khoan hồng đối với người dưới 18 tuổi đã thể hiện rõ trong các quy định của pháp luật nhằm bảo vệ tối đa quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Trong quá trình tố tụng đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, việc tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, tổ chức là điểm riêng biệt so với TTXS dành cho người đủ 18 tuổi. Nếu như trong các vụ án bị cáo là người đủ 18 tuổi không bắt buộc có sự tham gia của người đại diện, nhà trường, tổ chức thì trong các vụ án bị cáo là người dưới 18 tuổi thì sự tham gia của các chủ thể này là bắt buộc. Đây là quyền đồng thời là nghĩa vụ theo như quy định tại khoản 1 Điều 420 BLTTHS năm 2015: “Người đại diện của người dưới 18 tuổi, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. So với Điều 306 BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015 thay đổi cụm từ “Đại diện gia đình” thành “Người đại diện”. Việc thay đổi này giống với khái niệm quy định tại Điều 136 BLDS năm 2015 và phù hợp với thuật ngữ “Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp” được sử dụng trong các văn bản pháp luật quốc tế về tư pháp chưa thành niên. Theo đó, người đại diện của người dưới 18 tuổi phải là người đại diện theo pháp luật chứ không phải là đại diện theo ủy quyền. Nếu người dưới 18 tuổi còn cha mẹ, thì hơn ai hết cha, mẹ chính là người tham gia tố tụng để động viên, trợ giúp và bảo vệ bị cáo dưới 18 tuổi mà không được ủy quyền cho người khác. Trong trường hợp người dưới 18 tuổi không còn cha mẹ, hoặc không xác định được cha mẹ, hoặc cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự thì người giám hộ đương nhiên được triệu tập để tham gia tố tụng. Người giám hộ đương nhiên được quy định tại Điều 52 BLDS năm 2015. Ngoài ra, các CQTHTT phải mời đại diện nhà trường, thầy giáo, cô giáo hoặc cán bộ thuộc một trong các cơ quan: Lao động - Thương binh và xã hội, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên tham gia tố tụng để trợ giúp người dưới 18 tuổi. Mặc dù chưa có văn bản hướng dẫn, giải thích rõ ràng về cụm từ “người đại diện” nhưng thực tế các cơ quan tiến hành tố tụng

thường áp dụng theo quan điểm mở rộng hơn về người đại diện của người dưới 18 tuổi không chỉ có cha mẹ, người giám hộ mà còn có thể gồm anh, chị, cô dì, chú bác, ông bà hoặc những người thân thích khác của người dưới 18 tuổi. Tức là chỉ cần một người đủ 18 tuổi có quan hệ huyết thống với bị cáo thì được xem như là người đại diện cho bị cáo tham gia tố tụng. Tuy nhiên, theo quy định của điều luật trên thì sự tham gia của các đối tượng còn phụ thuộc vào quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Nghĩa là không phải bất cứ lúc nào đại diện gia đình, nhà trường, tổ chức cũng được tham gia tố tụng. Sẽ tùy trường hợp cụ thể mà các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định thời gian, địa điểm để những chủ thể trên có quyền và nghĩa vụ tham gia quá trình tố tụng. Tại phiên tòa xét xử người đại diện, nhà trường, tổ chức có quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, tham gia tranh luận, khiếu nại hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyết định của Tòa án (khoản 3 Điều 36 BLTTHS năm 2015). Như vậy với quy định trên, Tòa án phải triệu tập tất cả các thành phần nêu trên tham gia phiên tòa, trừ trường hợp những người này vắng mặt mà không lý do vì bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan. Quy định này giúp Tòa hiểu rõ hơn về nhân thân của bị cáo để có biện pháp xử lý phù hợp, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 quy định bắt buộc nhà trường, tổ chức phải hiện diện trong mọi phiên tòa xét xử người dưới 18 tuổi. Không thể phủ nhận với sự tham gia của những chủ thể này, HĐXX có cơ hội trực tiếp biết được những thông tin xác thực về môi trường học tập, sinh hoạt, làm việc và nhân cách của người dưới 18 tuổi làm cơ sở cho việc đưa ra một phán quyết hợp lý để giải quyết vụ án, nhưng họ có thể cung cấp thông tin ở những giai đoạn trước đó và hơn nữa những quy định này sẽ không thể thực hiện được nếu bị cáo là người không được đi học, sống lang thang, thất nghiệp. Do đó, việc bắt buộc tham gia của nhà trường, tổ chức trong mọi phiên xét xử người dưới 18 tuổi là không thực sự cần thiết và khả thi.

2.2.5. Một số thủ tục riêng khác của phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi

Thủ tục xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi cũng được tiến hành theo thủ tục chung trong giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm. Tuy nhiên, đối với các vụ án này thì thủ tục xét xử còn phải tuân theo quy định tại Điều 423 BLTTHS năm 2015. Hiện nay vẫn chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về thủ tục xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi. Thực tế vẫn còn áp dụng các hướng dẫn của Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003. Ngoài ra, đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi còn phải tuân theo các quy định tại thông tư liên tịch số 01. Đây là những quy định mang tính khác biệt so với các vụ án có bị cáo là người đủ 18 tuổi. Cụ thể như sau:

- Để đảm bảo quyền lợi của người dưới 18 tuổi được tốt hơn, BLTTHS năm 2015 cho phép Tòa án quyết định xét xử kín đối với vụ án bị cáo là người dưới 18 tuổi. Việc xét xử các vụ án nói chung được tiến hành công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên tòa trừ trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án xét xử kín (Điều 25 BLTTHS năm 2015). Quy định này nhằm hạn chế những người không cần thiết biết về tội phạm hoặc để giữ bí mật đời tư của bị cáo hoặc gia đình họ, nhằm tránh gây ảnh hưởng xấu đến tương lai của người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, quy định “Trong trường hợp đặc biệt” tại khoản 2 Điều 423 BLTTHS năm 2015 còn mang tính chung chung, không rõ ràng, cụ thể, còn tùy thuộc vào nhận định, đánh giá của Tòa án. Hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn về quy định này, điều đó gây ảnh hưởng đến quyền lợi cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Vì vậy pháp luật cần quy định cụ thể hơn nhằm thực sự bảo vệ các quyền và lợi ích cho người dưới 18 tuổi.

- Khi xét xử những vụ án mà bị cáo dưới 18 tuổi thì khi nghị án và tuyên án HĐXX phải chú ý đến chính sách hình sự đối với bị cáo như tuổi chịu TNHS tại Điều 12 BLHS và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 91

BLHS để xem xét bị cáo có đủ điều kiện để miễn TNHS hay không, có cần áp dụng biện pháp tư pháp thay cho hình phạt hay không.

- Việc xét hỏi, tranh luận với bị cáo, bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ; phòng xử án được bố trí thân thiện, phù hợp với người dưới 18 tuổi, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu chuẩn mực quốc tế đặt ra. Đối với vụ án có bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi, HĐXX phải hạn chế việc tiếp xúc giữa bị hại, người làm chứng với bị cáo khi bị hại, người làm chứng trình bày lời khai tại phiên tòa. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người bị hại, người làm chứng. BLTTHS năm 2015 còn bổ sung quy định giao cho Chánh án TANDTC quy định chi tiết việc xét xử vụ án có người dưới 18 tuổi của Tòa gia đình và NCTN, bảo đảm phù hợp với Luật Tổ chức TAND năm 2014.

Kết luận chương 2

Trong quá trình hội nhập quốc tế, quyền con người ngày càng được quan tâm bảo vệ, đặc biệt là quyền của trẻ em. Vì vậy, các quy định của pháp luật hiện hành càng nên được cụ thể hóa để đảm bảo quyền của người dưới 18 tuổi. BLTTHS năm 2015 ra đời là tiền đề của sự đổi mới, hoàn thiện về lý luận và thực tiễn nhằm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia kí kết, đặc biệt là thủ tục tố tụng nói chung và thủ tục xét xử nói riêng thể hiện trong BLTTHS 2015. Các quy định áp dụng thủ tục xét xử sơ thẩm cho người dưới 18 tuổi đã được bổ sung đầy đủ và hoàn thiện hơn như quy định về thủ tục chung, những người tiến hành tố tụng, người bào chữa và sự tham gia của người đại diện nhà trường, tổ chức trong phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bên cạnh đó, hoạt động xét xử đối với người dưới 18 tuổi được quy định theo hướng đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho các em, đảm bảo sự thân thiện, bảo mật về thông tin, bảo vệ về mặt tâm lý nhằm đem lại cho người dưới 18 tuổi phạm tội một cơ hội sửa chữa sai lầm, giáo dục và hướng thiện để các em tiếp tục sống, phát triển và đóng góp cho xã hội.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG THỦ TỤC XÉT XỬ ĐỐI VỚI BỊ CÁO DƯỚI 18 TUỔI TẠI ĐỊA BÀN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

3.1 Thực tiễn áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi tại địa bàn quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2013-2017

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, công tác giải quyết VAHS nói chung, trong đó có vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện của cơ quan tiến hành tố tụng có những chuyển biến tích cực. Đối với công tác xét xử, cơ bản Tòa án đã áp dụng đúng quy định của pháp luật về hình sự và TTHS nên đã xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phần lớn các vụ án được đưa ra xét xử kịp thời hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp oan sai và bỏ lọt tội phạm. Chất lượng xét xử được từng bước cải thiện, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong công tác xét xử người dưới 18 tuổi, các cơ quan tiến hành tố tụng đã đảm bảo trình tự thủ tục luật định, các vụ án được xử lý đúng đắn, số án bị hủy do vi phạm thủ tục ngày càng giảm. Trên địa bàn quận Tân Bình, TPHCM, tình hình tội phạm nói chung và tội phạm do người dưới 18 tuổi nói riêng thực hiện diễn ra khá phức tạp. Theo số liệu thống kê thì từ năm 2013 đến năm 2017 số VAHS có bị cáo là người dưới 18 tuổi được đưa ra xét xử trên địa bàn quận Tân Bình, TPHCM như sau:

Bảng 3.1: Bảng số liệu báo cáo về tình hình xét xử của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

| Năm | Sơ thẩm | | Người dưới 18 tuổi | | Tỷ lệ % | |
|------|---------|------------|--------------------|------------|---|--|
| | Vụ (1) | Bị cáo (2) | Vụ (3) | Bị cáo (4) | Vụ án có người dưới 18 tuổi/ Tổng số vụ án xét xử sơ thẩm (3/1) | Bị cáo là người dưới 18 tuổi/ Tổng số bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm (4/2) |
| 2013 | 380 | 1140 | 186 | 396 | 48% | 34% |
| 2014 | 420 | 1421 | 165 | 226 | 39% | 16% |
| 2015 | 365 | 1026 | 162 | 215 | 44% | 21% |
| 2016 | 416 | 1345 | 123 | 216 | 29% | 16% |
| 2017 | 360 | 1053 | 112 | 201 | 31% | 19% |
| Tổng | 1.941 | 5.985 | 748 | 1.254 | 38,5% | 20,9% |

(Nguồn: Báo cáo số liệu – Tòa án nhân dân quận Tân Bình)

Từ năm 2014 đến năm 2017 số vụ án có người dưới 18 tuổi được đưa ra xét xử nhìn chung có hướng giảm. Trong vòng 05 năm tổng số vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện được đưa ra xét xử sơ thẩm trên địa bàn quận Tân Bình là 748 vụ trong tổng số 1.941 VAHS nói chung; trong đó tổng số bị cáo là người dưới 18 tuổi là 1.254 trong tổng số 5.985 bị cáo. Như vậy, số bị cáo là người dưới 18 tuổi bị đưa ra xét xử sơ thẩm chiếm 23% trong tổng số bị cáo được đưa ra xét xử sơ thẩm. Có thể nhận thấy số bị cáo là người dưới 18 tuổi đã bị đưa ra xét xử sơ thẩm có sự tăng giảm không đồng đều trong vòng 05 năm trở lại đây. Số bị cáo được đưa ra xét xử nhiều nhất là vào năm 2013 với 396 bị cáo (chiếm tỷ lệ 34%%) và số bị cáo được đưa ra xét xử thấp nhất là năm 2017 với 201 bị cáo (chiếm tỷ lệ 19%). Số liệu thống kê cho thấy kể từ năm 2013, số VAHS do người dưới 18 tuổi thực hiện và số lượng bị cáo là người dưới 18 tuổi có chiều hướng giảm dần.

3.2. Ưu điểm và hạn chế trong việc áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi.

3.2.1. Ưu điểm trong việc áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi

Nhìn chung trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, ngành Tòa án nói chung cũng như Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật về TTXS đối với bị cáo dưới 18 tuổi trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Những thành quả đạt được cụ thể như sau:

- Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa thực hiện đúng các thủ tục tiếp theo như ra các quyết định đưa vụ án ra xét xử, lệnh trích xuất, giấy triệu tập đương sự theo đúng quy định của BLTTHS. Các quyết định đưa vụ án xét xử được Thư ký tổng đạt cho những người tham gia tố tụng đầy đủ, đúng thời hạn quy định. Bên cạnh đó, luật sư bào chữa cho bị cáo được Tòa án tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận, nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc với bị cáo để đảm bảo cho việc bào chữa tại phiên tòa. Ngoài ra, trước khi đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ vụ án đã được giao kịp thời cho Hội đồng xét xử nghiên cứu. Thành phần Hội đồng thẩm nhân dân trong vụ án đã được phân công theo đúng quy định tại Điều 307 BLTTHS năm 2003 đó là giáo viên hoặc cán bộ đoàn thanh niên. Khi nhận được hồ sơ, HĐXX xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cung cấp nhằm đánh giá, so sánh, đối chiếu tính hợp lý, bất hợp lý của những tình tiết ghi nhận trong biên bản lời khai của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng so với các chứng cứ khác để từ đó đưa ra những quan điểm, đường lối xử lý và có kế hoạch lập nội dung thẩm vấn đối với những vấn đề cần phải làm sáng tỏ dành cho những người có liên quan tham gia tố tụng tại phiên tòa. Đa số các vụ án đều có sự tham gia của người đại diện của bị cáo trong các giai đoạn từ điều tra, truy tố, xét xử. Công tác chuẩn bị cho phòng xử án được thực hiện kỹ càng, chu đáo. Tại các phiên tòa sơ thẩm, các Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các bước quy định. Các thủ tục như tuyên bố khai

mạc phiên tòa, đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, kiểm tra sự có mặt và lý lịch của những người tại phiên tòa theo giấy triệu tập, giải thích rõ quyền và nghĩa vụ cho bị cáo và các đương sự có liên quan đã được Thẩm phán thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, không có trường hợp Thẩm phán lơ là, bỏ qua việc giải thích quyền và nghĩa vụ hoặc rút ngắn các bước của thủ tục bắt đầu phiên tòa. Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều được Thẩm phán tôn trọng, lắng nghe và xem xét. Đa số Thẩm phán, Hội thẩm khi xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi đều ý thức được rằng bị cáo là những đối tượng còn hạn chế về tâm lý, nhận thức nên khi thẩm vấn HĐXX đã đặt câu hỏi ngắn gọn, thái độ hỏi từ tốn, nội dung câu hỏi rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với lứa tuổi bị cáo. HĐXX luôn đứng trên góc độ khách quan để xem xét vấn đề, đưa ra câu hỏi nhằm làm rõ vấn đề về tội danh, có hay không có hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, dân sự, xử lý vật chứng. Bên cạnh đó, HĐXX luôn động viên, giáo dục bị cáo nhằm giúp bị cáo nhận thực được lỗi lầm, ăn năn, hối cải sớm hòa nhập với xã hội để trở thành một công dân tốt. Tòa án đã chấp nhận tốt nguyên tắc Hội thẩm biểu quyết trước, Thẩm phán biểu quyết sau cùng. Các vấn đề được thành viên, HĐXX biểu quyết theo đa số về từng vấn đề như loại tội, điểm, khoản, điều, BLHS quy định, các hình phạt chính, bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, phúc thẩm; kiến nghị sửa chữa những khuyết điểm qua công tác quản lý. Qua đó thể hiện được vị trí độc lập, ngang quyền của hội thẩm với các thẩm phán trong quá trình xét xử. Căn cứ vào những chứng cứ, kết quả xét hỏi, tranh tụng, HĐXX có sự thống nhất khi đưa ra bản án quyết định với nội dung rõ ràng, chi tiết. Trong phần xét thấy, HĐXX đã phân tích, đánh giá về những vấn đề đặc thù cần xác định và làm sáng tỏ trong vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 2, Điều 302 của BLTTHS năm 2003. Do đó, tình trạng án bị hủy, sửa do nội dung bản án không rõ ràng hoặc phải đính chính ở mức độ thấp.

- Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ vai trò và trách nhiệm của mình. Các bản cáo trạng, luận tội cụ thể, rõ ràng, có căn cứ xác đáng với hành vi tội

phạm của bị cáo. Kiểm sát viên đã chủ động hơn trong đề nghị áp dụng các hình phạt nhẹ, cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo không giam giữ nhưng vẫn đảm bảo tính thận trọng, khách quan, toàn diện và chính xác. Hoạt động xét xử tại phiên tòa được Kiểm sát viên kiểm sát chặt chẽ về thủ tục, kỹ năng tranh tụng; xét hỏi được nâng cao. Những quan điểm, lý luận mang tính logic, chặt chẽ phù hợp với chứng cứ, tình tiết có trong hồ sơ vụ án. Các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội được Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh, đúng đối tượng. Trong hoạt động xét hỏi đối với người dưới 18 tuổi, Kiểm sát viên luôn chú trọng đến tâm lý, nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội để đưa ra những câu hỏi mang tính thuyết phục, gợi mở bị cáo bày tỏ tâm tư, lý do thực hiện hành vi phạm tội. Tính nhân đạo được đề cao trong các luận tội, Kiểm sát viên cũng đảm bảo xem xét đầy đủ những tình tiết giảm nhẹ hình phạt nhất cho bị cáo, để bị cáo nhận thức được sai lầm và ăn năn hối cải. Trong quá trình tranh tụng với luật sư bào chữa, Kiểm sát viên giữ thái độ đối đáp chuẩn mực, trả lời hầu hết các câu hỏi mà luật sư bào chữa đưa ra, việc tranh luận mang tính thuyết phục cao. Thông qua thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa Viện kiểm sát đã ban hành nhiều kháng nghị có tính chính xác và được chấp nhận.

- Vị thế của Luật sư bào chữa cho bị cáo là người dưới 18 tuổi đã được nâng cao. Nhiều luật sư rất có trách nhiệm đối với bị cáo thể hiện trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án để tìm ra các chứng cứ gỡ tội, những tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét. Nhiều luật sư rất tích cực trong việc đặt các câu hỏi đối với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhằm tìm ra những tình tiết có lợi cho thân chủ. Các quyền của luật sư bào chữa được đảm bảo khi tham gia tranh tụng. Các quyết định của bản án sơ thẩm nếu thấy ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo đã được luật sư kháng cáo. HĐXX đã lắng nghe, tôn trọng ý kiến của luật sư. Quá trình tranh tụng diễn ra công khai, đảm bảo tính công bằng, thực hiện đúng công bằng Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/1/2011 của Bộ chính trị đó là: “Khi xét xử các Tòa án phải đảm bảo cho mọi người dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh

tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật có tính thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định”.

- Đảm bảo việc tham gia của đại diện gia đình bị cáo, nhà trường và các tổ chức xã hội.

3.2.3 Hạn chế trong việc áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi

Mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng đã tuân thủ và áp dụng đúng quy định của pháp luật trong quá trình xử lý bị cáo là người dưới 18 tuổi, trên thực tế vẫn còn những bất cập khi áp dụng luật, trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng chưa quan tâm đến quyền lợi của người dưới 18 tuổi vẫn còn tồn tại. Dẫn đến các trường hợp kháng cáo, kháng nghị của bị cáo và Viện kiểm sát.

Thực tiễn áp dụng TTXS đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi tại các phiên tòa sơ thẩm cho thấy ngoài những kết quả đạt được thì vẫn còn những hạn chế, thiếu sót sau đây:

- *Thứ nhất*, việc tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo, luật sư bào chữa, người đại diện của bị cáo chưa tuân thủ quy định về thời hạn. Theo quy định tại Điều 182 BLLTHS năm 2003 thì “Quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho bị cáo hoặc người đại diện của họ; gửi cho hoặc bào chữa, bị hại, đương sự chậm nhất là mười ngày trước khi mở phiên tòa”. Nhưng trên thực tế, có rất nhiều vụ án không đảm bảo đúng thời hạn tổng cộng đạt 10 ngày theo luật định, có trường hợp bị cáo trước khi được đưa ra xét xử thì khoảng 03 hoặc 04 ngày trước đó mới nhận được quyết định. Đối với các trường hợp này, tại phiên tòa Hội đồng xét xử sẽ hỏi bị cáo có đồng ý tiếp tục xét xử vụ án hay không, nếu các bị cáo vẫn yêu cầu xét xử thì vụ án vẫn được tiếp tục xét xử. Thực tế không có trường hợp nào hoãn phiên tòa vì lý do này. Đối với người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo thì hầu như Tòa án không tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho họ. Có những trường hợp xác định được lí lịch của bị cáo, nhưng gia đình bị cáo ở quá xa không thể tổng đạt được giấy triệu tập. Trong trường hợp này Tòa án thường gửi giấy triệu

tập qua đường bưu điện (vì không thể tổng đạt trực tiếp) đến ngày xét xử không có mặt các đại diện gia đình nên phải hoãn phiên tòa. Sau đó, Tòa án mới tiến hành các thủ tục ủy thác tổng đạt gây mất thời gian dẫn đến vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Đối với người làm chứng và người tham gia tố tụng khác nhiều vụ án sát ngày họ mới nhận được giấy triệu tập hoặc không nhận được giấy triệu tập do cung cấp không đúng địa chỉ. Thực tế, Tòa án có lập hợp đồng giao nhận thư với bưu điện, theo thống kê hàng năm thì số lượng thư không chuyển tới tay người nhận và bị trả về với lý do không đúng địa chỉ hay không có địa chỉ chiếm tới hơn 50% số lượng thư gửi đi. Trong nhiều trường hợp, người tham gia tố tụng nhận được thông báo không kịp sắp xếp thời gian, công việc để tham dự phiên tòa nhưng cũng nhiều người né tránh nghĩa vụ làm chứng, gây khó khăn trong quá trình Tòa án tổng đạt, niêm yết do đó cũng dẫn đến việc hoãn phiên tòa để triệu tập lại ảnh hưởng đến thời hạn tố tụng, gây tốn kém chi phí.

- *Thứ hai*, về thành phần HĐXX đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, Bộ luật TTHS quy định phải có một Hội thẩm nhân dân là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên tham gia vào việc xét xử để bảo vệ quyền lợi cho bị cáo. Tuy nhiên, về mặt thực tiễn áp dụng pháp luật TTHS còn có những vấn đề đặt ra để bảo vệ tốt hơn quyền của người dưới 18 tuổi, đó là: BLTTHS vẫn chưa quy định tại thời điểm xét xử thì Hội thẩm còn là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên do nhà nước công nhận không? Nếu tại thời điểm Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu Hội thẩm và Hội thẩm đó còn là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên nhưng đến khi Tòa án mời tham gia xét xử thì họ không còn đương nhiệm nữa thì có vi phạm TTXS về thành phần bắt buộc không. Những năm qua, theo hướng dẫn của Thông tư 01/2011 thì chỉ cần hội thẩm đó đang hoặc đã từng là giáo viên, cán bộ Đoàn. Tuy nhiên, nếu tại thời điểm xét xử họ đã chuyển sang công tác khác thì cũng ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng xét xử của vụ án. Thực tế cho thấy khi tham gia Hội đồng xét xử, Hội thẩm thường nghiên cứu hồ sơ rất muộn, họ không quan tâm vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi hay không. Tại các phiên tòa xét xử bị cáo dưới 18 tuổi, trong quá trình thẩm vấn vẫn còn tình trạng HĐXX hỏi mớm cung để bị cáo khai nhận theo ý chí chủ quan của mình. Vai trò của Hội thẩm nhân dân trong các phiên tòa có

người dưới 18 tuổi còn rất mờ nhạt, chủ yếu phụ thuộc vào sự quyết định của Thẩm phán. Vẫn còn tình trạng một số Hội thẩm không nghiên cứu trước hồ sơ vụ án, tham gia xét xử còn mang tính hình thức. Ra đến phiên tòa, Thẩm phán thường là người hỏi chính còn hội thẩm ít tham gia xét hỏi, có chăng thường lặp lại những nội dung mà trước đó Thẩm phán đã hỏi. Một số Hội thẩm không tham gia xét hỏi, không có thái độ tích cực trong việc giáo dục, nhắc nhở bị cáo. Vẫn còn nhiều Hội thẩm không nắm rõ quy định pháp luật để có ý kiến phát biểu mà vai trò quyết định chủ yếu phụ thuộc vào phân tích, đề xuất của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Ví dụ: Trong vụ án Trần Văn T và 02 đồng phạm đều là người đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội “Cướp tài sản” của bị hại Nguyễn Phú Cường. Nội dung vụ án có vấn đề nhạy cảm là Cường dụ dỗ các bị cáo quan hệ đồng tính nam nên các bị cáo nhân cơ hội lập kế hoạch để cướp tài sản của Cường. Hội thẩm lại hỏi sâu vào mối quan hệ đồng tính nam giữa các bị cáo làm các bị cáo xấu hổ, ảnh hưởng tâm lý của họ. Mặt khác, hầu hết các Hội thẩm đều kiêm nhiệm những vị trí khác trong cơ quan nhà nước, họ không thực sự có chuyên môn về pháp luật nên rất khó đưa ra được ý kiến độc lập. Từ đó thấy được bản thân hội thẩm còn bộc lộ nhiều thiếu sót, không thể hiện được đúng vai trò của mình. Họ không thể hiện được mình là người có kiến thức về tâm sinh lý, khoa học giáo dục người dưới 18 tuổi nên càng khó bảo vệ quyền, lợi ích của người dưới 18 tuổi và thực sự khiến họ ăn năn hối cải, sửa chữa sai lầm. Cơ cấu Hội thẩm nhân dân là giáo viên hay cán bộ đoàn thanh niên hiện nay vẫn chưa được chú trọng cho nên số lượng còn quá ít so với những vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện mà Tòa án phải xét xử.

- *Thứ ba*, Thẩm phán là người có vai trò hết sức quan trọng trong phiên xét xử, phong cách làm việc của Thẩm phán trước tòa cũng có tác động rất lớn đến bị cáo là người dưới 18 tuổi. Thực tế, phần lớn Thẩm phán khi tiến hành xét xử những vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi không khác gì với xét xử người đã đủ 18 tuổi, còn sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn thiếu gần gũi, không giải thích cho bị cáo hiểu dẫn đến bị cáo cảm thấy sợ sệt không khai báo hoặc có những phản ứng tiêu cực khác ảnh hưởng đến việc xác minh sự thật của vụ án. Ví dụ: Vụ án Hoàng Thái

Thuyên (16 tuổi 08 tháng) có hành vi “Cố ý gây thương tích”, hậu quả bị hại tử vong. Tại phiên tòa, Thẩm phán đặt câu hỏi “Bị cáo dùng dao đâm vào vùng xung yếu của bị hại là có ý định giết chết bị hại để trả thù phải không?” là không phù hợp. Cách đặt câu hỏi với phương án trả lời kiêu có hoặc không nhưng với hàm ý khẳng định gây tâm lý hoang mang cho bị cáo. Việc sử dụng từ ngữ chuyên môn như “vùng xung yếu” làm bị cáo với tuổi đời còn nhỏ khó có khả năng hiểu được hết ý nghĩa của từ ngữ, từ đó dẫn đến việc trả lời câu hỏi của bị cáo không đảm bảo đúng ý chí và gây tâm lý mất ổn định cho bị cáo tại phiên tòa.

- *Thứ tư*, người bào chữa tham gia trong những vụ án mà bị cáo dưới 18 tuổi là bắt buộc để bảo đảm quyền lợi cho họ. Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng thủ tục này vẫn còn nhiều thiếu sót. Nhiều người bào chữa được chỉ định nhưng do quá bận việc hoặc thiếu trách nhiệm, không tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ. Có những trường hợp bào chữa chỉ định, người bào chữa không chuyên tâm, lơ là, thiếu trách nhiệm trong bảo vệ quyền lợi của bị cáo nên chỉ gửi bản bào chữa cho Tòa án mà không tham dự phiên tòa, khiến cho việc xét xử gặp khó khăn vì pháp luật TTHS quy định việc Luật sư tham gia phiên tòa để bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi là quyền của họ (điểm b khoản 2 Điều 57 Bộ luật TTHS). Trong trường hợp này nếu bị cáo dưới 18 tuổi không đồng ý với việc luật sư vắng mặt thì Tòa án phải hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo. Hoặc có trường hợp Luật sư có mặt tại phiên tòa nhưng chỉ đơn thuần là thay mặt bị cáo dưới 18 tuổi xin giảm nhẹ mức án chứ chưa thực sự bảo vệ cho họ. Thực tế cho thấy đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi thì khả năng nhận thức về tầm quan trọng của việc có người bào chữa còn rất hạn chế, đồng thời cũng do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác tác động đến họ. Việc không có người bào chữa sẽ là thiệt thòi đáng kể cho bị cáo. Luật hiện hành đã quy định bị cáo có quyền từ chối bào chữa nhưng theo quan điểm của tác giả mặc dù đây là quyền của bị cáo nhưng xét về trình độ am hiểu pháp luật giữa kiểm sát viên thực hành quyền công tố với bị cáo khi tranh luận thì sẽ gây bất lợi cho bị cáo. Bên cạnh đó, nhận thấy việc bào chữa chỉ định không mang lại hiệu quả khi nhiều luật sư còn tính toán thù lao nhiều ít khi nhận

bào chữa... Tại nhiều phiên tòa có bào chữa chỉ định không khí tranh tụng, thậm chí vẫn còn mang tính hình thức, không đảm bảo quyền, lợi ích cho bị cáo là người dưới 18 tuổi.

- *Thứ năm*, việc tham gia của đại diện gia đình bị cáo. Có một thực tế là những bị cáo là trẻ em lang thang, cơ nhỡ thì không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, Tòa án rất khó khăn khi không xác định được người đại diện. Hiện tại vẫn chưa có văn bản hướng dẫn về trường hợp người đại diện cho trẻ lang thang, cơ nhỡ.

- *Thứ sáu*, việc tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường và các tổ chức xã hội cũng chưa được chú trọng đúng mức. Họ tham dự phiên tòa chủ yếu là để xem Tòa án xét xử và nghe Tòa tuyên án, chưa phát huy được vai trò phối hợp với Tòa án trong việc giáo dục cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội. Chỉ những trường hợp cần giải quyết việc bồi thường thiệt hại vật chất cho người bị hại do người dưới 18 tuổi phạm tội gây ra thì Tòa án mới có sự phối hợp với đại diện gia đình họ. Đại diện nhà trường và tổ chức hầu như không có mặt tại phiên tòa xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội. Vấn đề này có nhiều nguyên nhân, có trường hợp Tòa án không chú trọng đến việc triệu tập họ đến tham gia phiên tòa nhưng cũng có trường hợp nhận được giấy mời của Tòa án nhưng các cơ quan này lại không quan tâm phối hợp với Tòa án trên cơ sở pháp luật. Tuy nhiên vẫn chưa có bản án nào bị Tòa án phúc thẩm hủy do vi phạm này.

Nguyên nhân của những hạn chế trong việc áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi

Bên cạnh những bất cập từ phương diện lập pháp như đã trình bày ở phần trước của luận văn, nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong việc áp dụng TTXS đối với bị cáo dưới 18 tuổi trong thời gian vừa qua ở nước ta bao gồm:

Thứ nhất, đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp và cán bộ trợ giúp pháp lý còn hạn chế về nhận thức, năng lực chuyên môn liên quan đến việc xét xử người dưới 18 tuổi. Các cơ quan chưa có đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Luật sư, cán bộ trợ giúp pháp lý được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp

đối với người dưới 18 tuổi. Một bộ phận Thẩm phán thiếu tinh thần trách nhiệm, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ vẫn còn. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến hiệu quả xử lý bị cáo là người dưới 18 tuổi chưa cao. Một số Thẩm phán chưa nỗ lực, tự giác trong việc nghiên cứu, cập nhật văn bản pháp luật, trao đổi nghiệp vụ... dẫn đến giải quyết công việc còn lúng túng, nhận thức sự việc chưa chính xác và xử lý người dưới 18 tuổi chưa đúng; nhiều bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

Thứ hai, đối với các Tòa án ở vùng sâu, vùng xa thì rất hạn chế về trang thiết bị, cũng như không thể đáp ứng điều kiện về tiêu chuẩn người tiến hành tố tụng phải là những người có hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi. Đa phần việc xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi do các Thẩm phán đã có kinh nghiệm đảm nhận. Họ chưa được đào tạo chuyên môn cao về xét xử người dưới 18 tuổi nên nhìn chung các phiên tòa có người dưới 18 tuổi cũng không khác gì cái phiên tòa dành cho người đủ 18 tuổi. Hầu hết tại các nơi, mô hình phòng xét xử, trang thiết bị, vị trí chỗ ngồi của HĐXX được bố trí kiên cố để xét xử tất cả các bị cáo và bị cáo phải đứng trước vành móng ngựa. Do đó, để cảm giác thân thiện khi xét xử bị cáo dưới 18 tuổi là rất khó.

Thứ ba, công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật của TANDTC trong những năm qua vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Vẫn còn nhiều những văn bản hướng dẫn; giải thích không kịp thời, không đầy đủ, không tháo gỡ được vướng mắc trong quá trình áp dụng TTTT, đối với người dưới 18 tuổi, dẫn đến việc áp dụng tùy tiện của người làm công tác tư pháp, không tạo được sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình áp dụng.

3.3 Kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo dưới 18 tuổi

Hiện nay cùng với sự phát triển của hệ thống pháp luật, luật TTHS trở thành một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của nước ta. Mặc dù đã có sự sửa đổi, bổ sung, nhưng thực tế rất đa dạng và phát triển không ngừng, trong khi đó có nhiều quy phạm pháp luật được xây dựng chưa phù hợp so với sự phát triển của xã

hội hiện tại. Sự không lường trước sự thay đổi nhanh của cuộc sống nhất là trong giai đoạn kinh tế thị trường nên một số chính sách hoặc văn bản quy phạm pháp luật mới được ra đời, muốn áp dụng vào thực tiễn phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Thực tiễn áp dụng còn nhiều vướng mắc do sử dụng quy định trong luật TTHS về giải quyết vụ án liên quan đến NCTN, nhiều quy định còn mang tính chung chung, chưa đưa ra được những quy định cụ thể để cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng dễ dàng. Nhìn lại các văn bản pháp luật của Nhà nước ta liên quan đến vấn đề NCTN, chúng ta có thể thấy với một số lượng tương đối lớn và có hệ thống các văn bản đã đề cập nhiều vấn đề bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Để tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến NCTN cần thiết phải có sự tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản nói trên trong mấy năm gần đây, rà soát sửa đổi những quy định không còn phù hợp, bổ sung những quy định mới cho phù hợp

3.3.1 Hoàn thiện quy định của tố tụng hình sự liên quan đến bị cáo dưới 18 tuổi

Cũng như pháp luật hình sự, pháp luật TTHS của nước ta cũng đã thể hiện tương đối đầy đủ chính sách nhân đạo khi xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, các quy định của Bộ luật TTHS về người dưới 18 tuổi phạm tội nhiều khi không được thực hiện một cách hiệu quả vì thiếu các quy định pháp luật cụ thể hướng dẫn thi hành. Liên quan đến lĩnh vực pháp luật TTHS về người dưới 18 tuổi phạm tội, chúng tôi có những kiến nghị sau:

Thứ nhất, tại khoản 3 Điều 423 Bộ luật TTHS 2015 quy định: "Phiên tòa xét xử bị cáo dưới 18 tuổi phải có mặt người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt, trừ trường hợp những người này vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan". Theo quy định này thì người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt cố ý vắng mặt tại phiên tòa mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án. Vậy vấn đề đặt ra là: Trong trường hợp người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ

chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng, trở ngại khách quan thì Tòa án có tiếp tục xét xử vụ án không hay phải hoãn phiên tòa và nếu hoãn phiên tòa thì hoãn trong thời gian bao lâu và căn cứ hoãn là căn cứ nào? Bộ luật TTHS hiện hành chỉ quy định các trường hợp phải hoãn phiên tòa như sau: Trường hợp quy định tại Điều 52 (thay đổi Kiểm sát viên, kiểm tra viên); Điều 53 (thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm); Điều 288 (sự có mặt của thành viên HĐXX, Thư ký Tòa án); Điều 289 (sự có mặt của Kiểm sát viên); Điều 290 (sự có mặt của bị cáo tại phiên tòa); Điều 291 (sự có mặt của người bào chữa); Điều 292 (sự có mặt của người bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ); Điều 293 (sự có mặt của người làm chứng); Điều 294 (sự có mặt của người giám định, người định giá tài sản); Điều 295 (sự có mặt của người phiên dịch, người dịch thuật); Điều 296 (sự có mặt của Điều tra viên và những người khác). Về những người khác quy định tại Điều 296 Bộ luật TTHS thì có bao gồm người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt hay chỉ là những người có liên quan trực tiếp đến vụ án mà Tòa án xét thấy cần đưa vào tham gia trong vụ án. Mặt khác, pháp luật cần có quy định cụ thể về người đại diện cho bị cáo dưới 18 tuổi là trẻ em lang thang cơ nhỡ. Việc tham gia tố tụng của người đại diện của bị cáo dưới 18 tuổi là trẻ em lang thang cơ nhỡ, không người thân thích thì hiện nay pháp luật vẫn chưa quy định cụ thể ai là người đại diện cho bị cáo tham gia xét xử trong trường hợp này. Thực tế một số Tòa án vẫn áp dụng biện pháp yêu cầu Đoàn Thanh niên cử cán bộ đoàn làm đại diện cho bị cáo để không vi phạm về mặt Tố tụng. Do đó nên có quy định thống nhất trong luật định đối với các trường hợp tham gia tố tụng của người đại diện cho bị cáo là người dưới 18 tuổi lang thang cơ nhỡ nhằm đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. Ngoài ra, thực trạng nhà trường, tổ chức nơi bị cáo lao động học tập, sinh hoạt không tham gia phiên tòa xét xử là phổ biến. Do đó với thực trạng chung trên như trên ngành Tòa án cần có những hướng dẫn nhằm đảm bảo cho Tòa án thực hiện đúng và nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành, qua đó cũng nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc bảo vệ quyền lợi cho người dưới 18 tuổi phạm tội vì vậy chúng tôi đề nghị bổ sung Điều 420 BLTTHS như sau:

“Trường hợp bị cáo là người dưới 18 tuổi không có người đại diện hoặc người thân thích thì cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu Đoàn Thanh niên cử cán bộ Đoàn làm người đại diện cho bị cáo có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát, Tòa án”.

Thứ hai, về hình thức xét xử vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi. Theo quy định Hiến pháp năm 2013 và BLTTHS năm 2015 thì: “Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyết định xét xử kín”. Với quy định này, phần lớn các vụ án có người dưới 18 tuổi được tiến hành xét xử công khai. Trên thực tế, vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xét xử kín hoặc công khai ngoài điều 25 BLTTHS: “Tòa án xét xử công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên tòa, trừ trường hợp bộ luật này quy định. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật Nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai”. Nên không ít trường hợp cùng một vụ án có thể xét xử kín, Tòa án khác lại cho rằng cần xét xử công khai. Tại các phiên tòa xét xử công khai có sự tham gia của công chúng và báo chí tự do đăng tin, viết bài, dùng những tên gọi mang tính miệt thị bị cáo dù họ có tội hay không cần có quy định về việc chế độ thông tin báo chí ảnh hưởng đến quyền công dân. Vì dù các bị cáo là người bị kết án, bị hạn chế một số quyền công dân nhưng họ vẫn còn quyền con người của mình, việc báo chí tuyên truyền sử dụng hình ảnh và từ ngữ ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của họ là xâm phạm đến quyền con người của họ, đặc biệt điều đó gây ảnh hưởng rất lớn đến bị cáo là người dưới 18 tuổi vì đặc điểm tâm sinh lý chưa phát triển đầy đủ, các em sau khi chấp hành án còn có thể cải tạo và tiếp tục phát triển trong xã hội. Việc dư luận đánh giá và định kiến về nhân cách của bị cáo là người dưới 18 tuổi sẽ ảnh hưởng lớn đến đời sống và cơ hội phát triển, làm lại cuộc đời của các em. Ngoài ra, đối với những trường hợp dưới 18 tuổi thực hiện các tội xâm phạm tình dục trẻ em thì vẫn còn quan điểm bị hại là trẻ em mới cần được bảo vệ còn bị cáo thì không cần thiết.

Pháp luật cần quy định cụ thể “trường hợp đặc biệt” bao gồm trường hợp nào khi quyết định xét xử kín, nhằm tránh sự tùy nghi. Mục đích của việc xét xử người dưới 18 tuổi nhằm giáo dục, giúp họ nhận ra sai lầm chứ không nhằm mục đích trừng trị, gây tác động tiêu cực đến tâm lý bị cáo. Tâm lý người dân Việt Nam luôn có một thái độ hoài nghi nhất định đối với những trường hợp xét xử kín, nên để đảm bảo tính khách quan và bảo vệ quyền riêng tư của bị cáo thì tòa án có thể xét xử kín và tuyên án công khai nhưng theo cách thức không làm lộ danh tính của bị cáo. Những trường hợp ngoại lệ bắt buộc phải xét xử công khai cần nên hạn chế và phải được quy định rõ ràng trong pháp luật trên cơ sở bảo vệ lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi, phù hợp với tinh thần của công ước quốc tế về quyền trẻ em. Tuyệt đối không xét xử lưu động đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Vì vậy đề nghị sửa đổi khoản 2 điều 433 BLTTHS năm 2015 như sau: “Tòa án phải xét xử kín đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi”. Ngoài ra, pháp luật cần quy định trách nhiệm và các chế tài áp dụng đối với các cơ quan tổ chức, cá nhân khác như: Đoàn Thanh niên, người bào chữa, cơ quan lao động thương binh và xã hội, cơ quan tiến hành tố tụng... khi để lộ thông tin cá nhân của người dưới 18 tuổi.

Thứ ba, bắt buộc có người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử. Việc tham gia bào chữa sẽ giúp bảo vệ quyền lợi cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trên thực tế, sự tham gia của người bào chữa dù ở mức độ nào thì nhìn chung vẫn tốt hơn cho bị cáo. Pháp luật quy định trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền sẽ chỉ định người bào chữa. Tuy nhiên trên thực tế những người được phân công bào chữa có thực sự quan tâm tới quyền và lợi ích chính đáng của bị cáo hay không là vấn đề cần được cân nhắc. Thực tế không có nhiều luật sư nổi tiếng tham gia bào chữa theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng và cũng không ít trường hợp luật sư bào chữa mang tính hình thức. Thực trạng này là do một phần trình độ và trách nhiệm nghề nghiệp của một bộ phận luật sư một phần là do còn thiếu các chế tài cụ thể để áp dụng xử lý đối với những luật sư không làm hết trách nhiệm của mình không chấp hành đúng yêu cầu triệu tập theo giấy báo cáo của tòa án. Bên cạnh đó chế độ thù

lao cho Luật sư tham gia phiên tòa cũng cần được điều chỉnh theo ngày làm việc cụ thể chứ không phải theo từng vụ án như hiện nay. Mặt khác, pháp luật đã quy định những người tiến hành tố tụng phải có hiểu biết về tâm lý giáo dục do đó cũng nên đặt ra yêu cầu người bào chữa phải hiểu biết về tâm lý giáo dục khi tham gia xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Tại khoản 3 điều 77 BLTTHS năm 2015 có quy định người bị buộc tội người đại diện, hoặc người thân thích trong trường hợp quy định tại khoản 1 điều 76 có quyền tham gia thay thay đổi hoặc từ chối người bào chữa. Có thể nói ,do non nớt thiếu hiểu biết về pháp luật và cũng không ngoại lệ trường hợp bị cáo bị tác động từ bên ngoài nên bị cáo bắt buộc phải từ chối người bào chữa đồng thời luật cũng quy định việc từ chối này phải được lập thành biên bản nếu người bị buộc tội “hoặc” người đại diện, người thân thích đồng ý. Với quy định này có thể được hiểu nếu người đại diện, người thân thích đồng ý mà không cần người bị buộc tội đồng ý thì yêu cầu từ chối người bào chữa chỉ định vẫn được tiến hành như vậy sẽ không đảm bảo quyền lợi của bị cáo trong trường hợp bị cáo bị ép buộc xúi giục.... Vì vậy đề đề xuất sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 77 như sau:

“... Trường hợp từ chối người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng biên bản về việc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội và người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của bộ luật này và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa. Trường hợp ý kiến của người bị buộc tội và người đại diện hoặc người thân thích không thống nhất thì cơ quan tiến hành tố tụng lập biên bản và tiếp tục chỉ định người bào chữa”.

Đồng thời đề xuất sửa đổi bổ sung khoản 1 điều 422 BLTTHS năm 2015 theo hướng thay đổi từ” hoặc” bằng “dấu phẩy” cho thống nhất với các quy định tại Điều 16 về nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”.

3.3.2. Hoàn thiện mô hình Tòa gia đình và người chưa thành niên

Việc thành lập Tòa gia đình và NCTN hiện nay là hoàn toàn phù hợp với tình hình tội phạm đang diễn ra hiện nay và theo xu hướng quốc tế. Nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với người dưới 18 tuổi cũng đã được thể chế hóa trong quy định của pháp luật tại điều 1 tại điều 414 BLTTHS năm 2015 “bảo đảm TTTT thân thiện phù hợp với tâm lý lứa tuổi mức độ trưởng thành khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi, bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi”. Cụ thể hóa nguyên tắc này tại khoản 4 điều 423 BLTTHS năm 2015 quy định: “Việc xét hỏi tranh luận với bị cáo, bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa được tiến hành phù hợp với lứa tuổi mức độ phát triển của họ. Phòng xử án được bố trí thân thiện phù hợp với người dưới 18 tuổi”. Thủ tục xét xử thân thiện đối với người dưới 18 tuổi nhằm giảm bớt sự sợ hãi, căng thẳng và kỳ thị đối với người dưới 18 tuổi. Thực tế, không phải trong mọi trường hợp vụ án chỉ có bị cáo là người dưới 18 tuổi mà còn có những vụ án có đồng phạm, có bị cáo đủ 18 tuổi, có bị cáo dưới 18 tuổi hoặc có vụ án mà người bị hại, người làm chứng dưới 18 tuổi còn bị cáo là người đủ 18 tuổi. Theo tác giả, trong trường hợp một vụ án có nhiều bị cáo, trong đó có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì cần xem xét tới việc tách vụ án. Nếu tách được thì bị cáo đủ 18 tuổi sẽ bị xét xử theo thủ tục thông thường, bị cáo dưới vụ án không thể tách được thì Tòa gia đình và NCTN sẽ xét xử toàn bộ vụ án. Để đạt tính thân thiện trong quá trình tiến hành tố tụng, tác giả cho rằng phiên tòa xét xử người dưới 18 tuổi phải đảm bảo các yếu tố sau:

Thứ nhất, cách bố trí phiên tòa xét xử. Không khí tại phòng xét xử các phiên tòa hình sự hầu hết rất nghiêm trang. Việc nghiêm trang này thể hiện ở vị trí ngồi của HĐXX cách xa, chênh lệch so với luật sư, người dưới 18 tuổi và những người tham gia tố tụng khác. Cách bày trí trong phòng xử án với vàng móng ngựa với biểu tượng pháp đình trước đây đã được xóa bỏ và thay thế bằng bục khai báo, tuy nhiên để đảm bảo sự thân thiện, gần gũi cho bị cáo là người dưới 18 tuổi khi tham gia phiên tòa thì việc bố trí phòng xử án cần có những đặc điểm riêng. Do đó, ngoài vị

trí ngồi đã được Công văn số 88/TANDTC-PC ngày 01/4/2016 về triển khai thực hiện mô hình phòng xử án hướng dẫn, cần phải trang trí phòng xử án với các biểu tượng mang tính gia đình, mang tính giáo dục. Một phiên tòa thân thiện nên cho phép bị cáo được ngồi cùng một bàn đối diện với HĐXX. Vì thế nên cho bị cáo ngồi trên chiếc ghế nhỏ phù hợp với lứa tuổi. Hạn chế việc khóa tay bị cáo (trừ trường hợp bị cáo có hành vi chống đối). Quá trình xét hỏi nên cho bị cáo được ngồi để tránh tâm lý lo sợ, căng thẳng. Qua đó, để các em có tâm lý thoải mái hơn khi trình bày các câu hỏi mà người tiến hành tố tụng đặt ra.

Thứ hai, thành phần hội đồng xét xử. Như đã nói ở trên, thành phần hội đồng xét xử phải đảm bảo là những người có kiến thức về tâm sinh lý người dưới 18 tuổi và am hiểu về áp dụng pháp luật đối với người dưới 18 tuổi. Để có sự đánh giá khách quan và đảm bảo quy định này được thực thi, tác giả cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng cần thiết phải tổ chức tập huấn riêng về lĩnh vực này, đặc biệt đối tượng là các Thẩm phán chuyên trách giải quyết, xét xử vụ việc có người dưới 18 tuổi phạm tội. Không chỉ thẩm phán, ngay cả Kiểm sát viên và hội thẩm cũng cần được tập huấn về lĩnh vực này để việc tiến hành thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đảm bảo đúng quy định của pháp luật khi xử lý các đối tượng này. Việc tổ chức Tòa chuyên trách gia đình và người chưa thành niên đảm bảo thành phần thẩm phán, thư ký đã được đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong giải quyết, xét xử vụ án có người chưa thành niên.

Thứ ba, về thời hạn xét xử. Đối với người dưới 18 tuổi nên đẩy nhanh quá trình tố tụng để đảm bảo các hoạt động tố tụng không làm xáo trộn cuộc sống của họ. Thời hạn phải đưa vụ án ra xét xử có thể là từ 01 hoặc 02 tháng kể từ thời điểm thụ lý đối với từng loại tội phạm. Càng kéo dài quá trình xét xử, thì càng ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe các em. Do đó, pháp luật càng quy định cụ thể về vấn đề này để tránh sự áp dụng chung cho các phiên tòa của người đủ 18 tuổi và phù hợp với nguyên tắc giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi (Điều 414 BLTTHS năm 2015).

3.4. Một số kiến nghị khác

3.4.1. *Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ý thức pháp luật của những người tiến hành tố tụng*

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về kinh phí, phương tiện nhưng công tác xét xử các vụ án đối với bị cáo dưới 18 tuổi luôn được ngành Tòa án quan tâm, coi trọng. Quán triệt chỉ đạo của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân địa phương đã tăng cường phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng để giải quyết các vụ án trên một cách tốt nhất. Về cơ bản các Tòa án đã áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, thực hiện tốt việc đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận tại các phiên tòa sơ thẩm, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nhưng cũng thể hiện đầy đủ tính nhân văn, khoan hồng của Nhà nước ta. Chất lượng xét xử tiếp tục được bảo đảm, hình phạt đối với bị cáo dưới 18 tuổi phạm tội đã đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Mặc dù đã đạt được những kết quả công tác nêu trên, nhưng trong công tác xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi vẫn còn những tồn tại, thiếu sót như: Việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đã được Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại các văn bản như Nghị quyết Hội đồng Thẩm phán số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007, Công văn số 99/TANDTC-KHXX ngày 01/7/2009 và các Chỉ thị, Công văn của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo về công tác xét xử một số loại tội phạm gây bức xúc trong tình hình hiện nay trong đó có các vụ án do người 18 tuổi phạm tội còn nhiều trường hợp chưa chấp hành đúng các hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao nên áp dụng không đúng nên dẫn tới quyết định hình phạt quá nặng, cũng có trường hợp xử dưới khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn không có căn cứ, không có sức thuyết phục. Khi đánh giá về công tác cán bộ của cơ quan tư pháp, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2012 của bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong công tác này về số lượng, trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức,

lối sống. Do vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ chủ yếu và vô cùng quan trọng trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Việc nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Tòa án các cấp, phát huy trí tuệ tập thể, tăng cường trách nhiệm cá nhân; làm tốt công tác tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật; Đổi mới mạnh mẽ phương thức chỉ đạo, điều hành và thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động Tòa án theo hướng nhanh, gọn, hiệu quả; phân công, phân nhiệm và phân cấp rõ ràng trong từng lĩnh vực công tác... trong đó đặc biệt chú trọng đến giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán trong công tác xét xử là nhiệm vụ vô cùng cấp bách. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/5/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 xác định mục tiêu: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”. Do đó, những người tiến hành tố tụng hơn ai hết phải có năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Năng lực này được hình thành bởi nhiều yếu tố như trình độ đào tạo, điều kiện bằng cấp, kỹ năng, trình độ lý luận chính trị, ý thức pháp luật, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Mỗi người cán bộ tư pháp cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm khi xét xử các vụ án nói chung, phải ý thức được tinh thần phục vụ nhân dân, vì lẽ phải để có hướng xét xử nghiêm minh, đúng người đúng tội đúng pháp luật, tránh oan sai.

Quá trình trao đổi, rèn luyện kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp là quá trình tu dưỡng lâu dài mà mỗi người phải cố gắng hoàn thiện như những hạt giống sạch được ươm mầm để phát triển vườn cây. Mô hình tố tụng thân thiện sắp tới sẽ được triển khai thực thi rộng rãi khắp cả nước nên cần tăng cường đào tạo, tập huấn về mô hình này, qua đó lồng ghép các nội dung bảo vệ trẻ em, tư pháp đối với trẻ em vào những chương trình giảng dạy tại các cơ sở đào tạo của các cơ quan tư pháp, hướng đến xây dựng một đội ngũ cán bộ tư pháp chuyên trách đối với người dưới 18 tuổi. Trong những năm gần đây, Tòa án nhân dân tối cao đã phối hợp với

Bộ Tư pháp chiêu sinh cán bộ Tòa án các cấp đạt tiêu chuẩn tham gia khoá đào tạo nghiệp vụ xét xử, để tạo nguồn bổ nhiệm Thẩm phán. Ngành Tòa án cũng bước đầu thực hiện việc chọn cử cán bộ đủ tiêu chuẩn đi đào tạo ở nước ngoài theo Đề án của Chính phủ về việc “đào tạo luật sư, chuyên gia pháp luật” phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế. Tòa án nhân dân tối cao đã tiến hành tập huấn các kiến thức liên quan tới công tác xét xử hình sự nhiều lần cho các Thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương,

Thực hiện tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị Đảng cộng sản Việt Nam “Về chiến lược cải cách đến tư pháp đến năm 2020”, hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang triển khai xây dựng đề án “Nâng cao năng lực và quy mô đào tạo, bồi dưỡng của Trường Cán bộ Tòa án” để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân. Phân công cán bộ, Thẩm phán có năng lực, trình độ và kinh nghiệm chuyên môn để xét xử các vụ án có bị cáo dưới 18 tuổi; thường xuyên phối hợp, họp bàn với các cơ quan tiến hành tố tụng để đề ra những biện pháp tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, đảm bảo nâng cao chất lượng xét xử các vụ án. Phối hợp với các cơ quan tư pháp Trung ương ban hành các văn bản pháp luật nhằm hướng dẫn áp dụng đúng và thống nhất pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và khẩn trương nghiên cứu, giải đáp những vấn đề về nghiệp vụ hoặc những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, giúp cho các Tòa án các cấp áp dụng đúng pháp luật để ngày càng nâng cao chất lượng công tác xét xử các vụ án có bị cáo dưới 18 tuổi; Tiếp tục kiện toàn đội ngũ Thẩm phán, cán bộ Tòa án có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức theo quy định; Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, từng bước nâng cao trình độ, kinh nghiệm và bản lĩnh nghề nghiệp cho Thẩm phán, cán bộ Tòa án đáp ứng yêu cầu công tác xét xử nói chung và xét xử các vụ án có bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng.

3.4.2. Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, chế độ chính sách đối với người tiến hành tố tụng

Trong những năm qua TANDTC đã quan tâm chỉ đạo các đơn vị chức năng tiến hành rà soát, kiến nghị bổ sung mức kinh phí đối với ngành Tòa án; thực hiện nhiều đề án về Tăng cường thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, trụ sở làm việc cho ngành theo những nhiệm vụ cải cách tư pháp (Như đề án mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác nghiệp vụ; Đề án tin học hoá quản lý nhà nước trong ngành....Đề án xây mới, chống xuống cấp trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân các cấp...). Theo thông tin của ngành, đến nay cơ bản đã trang bị đủ cho Tòa án nhân dân cấp huyện máy photocopy, máy vi tính, máy in; các đơn vị vùng núi, khó khăn được cấp ô tô chuyên dùng để phục vụ công tác. Các công trình dự án xây dựng mới, cải tạo mở rộng đưa vào sử dụng khang trang, hiện đại hơn, phần nào đáp ứng được yêu cầu thực hiện tăng thẩm quyền và nhiệm vụ cải cách tư pháp.

Việc thực hiện Đề án tin học hoá quản lý nhà nước trong ngành Tòa án nhân dân được các đơn vị chú trọng; TANDTC và nhiều Tòa án địa phương đã mở Trang thông tin điện tử nhằm đẩy mạnh tuyên truyền hoạt động của ngành Tòa án; Lắp đặt và đưa vào sử dụng tốt hệ thống truyền hình trực tuyến; Trang phục của ngành được chỉnh sửa, cải tiến phù hợp, bền đẹp...

Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, khó khăn cần tiếp tục nghiên cứu cải cách, khắc phục đó là:

- Trụ sở làm việc của nhiều Tòa án địa phương, nhất là ở cấp huyện đã lạc hậu, xuống cấp nghiêm trọng; Quy mô, kiến trúc nhỏ hẹp, thiếu diện tích làm việc; không có kho lưu trữ, nhà công vụ.....

- Kinh phí để bảo đảm hoạt động của ngành Tòa án còn thấp so với yêu cầu thực tế; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc của Tòa án các cấp tuy đã được quan tâm hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu;

- Công tác quy hoạch đất đai xây dựng trụ sở; hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan tư pháp chưa được Ban chỉ đạo cải cách tư pháp các cấp quan tâm chỉ đạo

(Nhiều đơn vị có diện tích đất nhỏ, nằm xen lẫn với khu dân cư; kinh phí hỗ trợ xây dựng cơ bản từ nguồn địa phương hầu như không có);

- Đời sống của cán bộ trong ngành còn khó khăn nhất là những người không được hưởng phụ cấp chức danh pháp lý và thâm niên nghề; Các chế độ đãi ngộ đối với cán bộ trong ngành còn hạn chế.

- Hệ thống quản lý án trên mạng internet đã được triển khai thực hiện, nhưng chưa ổn định và hiệu quả.

Từ những vấn đề nêu trên chúng tôi xin kiến nghị một số nội dung sau:

Thứ nhất: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả NQ số 49 về “Bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp” tập trung cho các dự án xây dựng cơ bản, nhất là các đơn vị mới thành lập, các địa điểm dự kiến đặt Tòa án khu vực (Các trụ sở cơ quan có kiến trúc, kết cấu cũ lạc hậu cần dỡ bỏ xây mới, không nên sửa chữa nâng cấp gây lãng phí vì không đáp ứng được các định mức theo quy định).

Thứ hai: Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền quan tâm hơn đến việc quy hoạch đất đai xây dựng trụ sở làm việc, nhà công vụ; hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan tư pháp từ nguồn thu ngân sách ở các địa phương như Nghị quyết 49 quy định;

Thứ ba: Tiếp tục đổi mới việc phân cấp quản lý ngân sách theo hướng tăng quyền chủ động cho các đơn vị trong việc lập dự toán, thanh quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ;

Thứ tư: Đối với các tỉnh miền núi có điều kiện kinh tế chưa phát triển, khó khăn. Đề nghị có cơ chế chính sách đặc thù (tăng nguồn kinh phí chi thường xuyên).

Thứ năm: Tiếp tục nghiên cứu chính sách đãi ngộ trong ngành Tòa án, nhằm động viên cán bộ yêu tâm công tác, yêu ngành, yêu nghề và tạo sức hút đối với nguồn nhân lực có chất lượng cao.

3.4.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cơ quan hữu quan và tăng cường trao đổi kinh nghiệm với nước ngoài

Đối với ngành Tòa án thì việc áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác xét xử các vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện rất quan trọng. Có xét xử đúng mới có

điều kiện phát huy tính giáo dục, phòng ngừa của biện pháp xử lý và mới có thể chỉ ra nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để có kiến nghị xác đáng. Giữa các ngành cần có sự phối hợp chặt chẽ với nhau, chủ động xây dựng quy chế phối hợp trong quá trình giải quyết các VAHS để làm cơ sở cho các bên căn cứ thực hiện. Nội dung phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tính độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán theo đúng quy định của pháp luật. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần thực hiện nghiêm các quy định của BLTTHS năm 2015 và các chỉ thị, các yêu cầu của ngành, đề cao trách nhiệm của lãnh đạo, của Kiểm sát viên, Điều tra viên, Thư ký, Thẩm phán, Hội thẩm. Quá trình TTHS ba gồm nhiều giai đoạn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Để bảo vệ có hiệu quả quyền lợi hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi đòi hỏi trong các giai đoạn tiền xét xử phải có đội ngũ những người tiến hành tố tụng chuyên trách (Điều tra viên, Kiểm sát viên) chịu trách nhiệm giải quyết các VAHS mà bị can dưới 18 tuổi. Đồng thời cần nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành của cơ quan Công an, VKS, Tòa án các cấp trong công tác giải quyết án hình sự. Tăng cường kiểm tra nghiệp vụ, tăng cường tổng kết thực tiễn, thông báo rút kinh nghiệm, xử lý kiểm điểm những cá nhân để xảy ra vi phạm. Bên cạnh đó mỗi cơ quan tiến hành tố tụng cần xây dựng riêng hệ thống thông tin thống kê số liệu về những VAHS có người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quá trình khởi tố, điều tra truy tố xét xử. Số liệu và thông tin thống kê có ý nghĩa quan trọng vì nhiều lý do: giúp cho cơ quan xây dựng pháp luật và chính sách cập nhật về các xu hướng và loại hình tội phạm, cảnh báo những hành động mới cần thực hiện, ví dụ là tình trạng có quá nhiều trẻ em, bị giam giữ, hoặc sự tăng lên của một loại vi phạm nhất định, nâng cao chất lượng của mô hình trên thực tiễn và chỉ ra các nhu cầu đào tạo, và xác định các lĩnh vực cần tăng các chi phí nguồn lực. Bên cạnh đó, thông tin thống kê tạo điều kiện cho việc hoạch định kế hoạch và ngân sách được hiệu quả và cho phép theo dõi hệ quả, hệ thống xử lý và sự an toàn của trẻ em trên hệ thống này. Tại các địa phương, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần sự phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân.

Chính quyền địa phương nên tổ chức nhiều hoạt động, vui chơi mang tính giáo dục thể chất, tinh thần đối với trẻ em. Phối hợp với các trung tâm trợ giúp việc làm, trung tâm dạy nghề nhằm giúp cho các em có hoàn cảnh khó khăn, thất học, kẻ lang thang không cha mẹ, người thân được học nghề, được học nghề để trở thành công dân có ích cho xã hội. Tình trạng tội phạm diễn ra càng nhiều cũng một phần lớn hông có việc làm nên sinh ra trộm cắp, giết người...nên tình hình tội phạm sẽ giảm đi nếu các cơ quan có thẩm quyền có sự quan tâm đúng mức phối hợp với gia đình, nhà trường trong công tác quản lý và giáo dục.

Trong thời đại ngày nay, pháp luật các nước ngày càng lại xích lại gần nhau. Nghiên cứu, so sánh pháp luật nước ngoài để từ đó tiếp thu, chọn lọc, vận dụng những kinh nghiệm quý báu, những tư tưởng tiến bộ, phong phú của các nước về điều chỉnh các vấn đề của pháp luật tương tự vào các bộ luật của Việt Nam. Qua đó, có chế định về thủ tục xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi phù hợp với nhu cầu và điều kiện của Việt Nam. Với sự ra đời của bộ luật TTHS năm 2015, nhà làm luật Việt Nam đã tiếp thu chọn lọc những kinh nghiệm những điểm tích cực trong các luật của các nước như Mỹ, Đức...tuy nhiên, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu hợp tác trao đổi với các nước để hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS. Trong quá trình hội nhập với quốc tế, để ứng phó kịp thời với sự phát triển càng nhanh của thế giới nhằm vận dụng, tiếp thu vào nền tư pháp nước nhà thì kỹ năng về tin học, ngoại ngữ, cần được chú trọng đào tạo, bồi dưỡng trong đội ngũ cán bộ tư pháp. Cần xây dựng kế hoạch cụ thể việc đào tạo, bổ trợ kiến thức chuyên sâu về tư pháp quốc tế để đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và khu vực. Đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi điều kiện tiếp xúc với những kỹ thuật tiên tiến còn rất hạn chế. Do đó, cần có kế hoạch đào tạo, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi thông qua những buổi tọa đàm, hội thảo trực tuyến nhằm giúp các đơn vị thông tin nhanh, chính xác để áp dụng tư tưởng tiến bộ kịp thời vào công tác pháp luật. Để có thể vận dụng đúng các quy định pháp luật thì việc tổng kết thực tiễn kiểm sát, xét xử và các công tác tập huấn là rất quan trọng và cần thiết. Để các cán bộ tư pháp hiểu hơn về tâm lý người dưới 18 tuổi thì các buổi đào tạo, tập huấn nên có sự tham gia của

chuyên gia tâm lý. Vì vậy, để nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ, ý thức pháp luật thì mỗi người cán bộ trong hệ thống tư pháp nói chung phải tự hoàn thiện, có tinh thần trách nhiệm, ý thức đạo đức đặt trên lợi ích bản thân, phục vụ nhân dân, đem lại niềm tin trong nhân dân.

Kết luận chương 3

Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn đặt ra trong công tác tiến hành thủ tục xét xử sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, người viết nhận thấy những yêu cầu, đòi hỏi đặt ra đối với việc đổi mới, hoàn thiện quy định của pháp luật trong giai đoạn xét xử sơ thẩm giúp cho Tòa án thực hiện tốt chức năng xét xử trong giai đoạn này đối với chủ thể đặc biệt là người dưới 18 tuổi. Theo chủ trương của nước ta, công tác xét xử sơ thẩm cần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả, đáp ứng ngày càng cao cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện diễn biến ngày càng phức tạp. Trong luận văn, để hoàn thiện công tác xét xử sơ thẩm, người viết đưa ra hệ thống các giải pháp bao gồm các giải pháp pháp lý và các giải pháp khác. Hiện nay, BLTTHS năm 2015 đã được thông qua đã có hiệu thi hành về cơ bản đã giải quyết những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành. Tuy nhiên, vì mới được ban hành nên chưa có hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, ở khía cạnh giải pháp pháp luật người viết đặt ra giải pháp đầu tiên để đảm bảo cho quá trình áp dụng pháp luật trong việc thực hiện chức năng xét xử là cần hoàn thiện quy định pháp luật.

Ngoài ra, với nhận thức để đảm bảo việc thực hiện đúng thủ tục xét xử sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thiết nghĩ cần áp dụng một cách đồng bộ các giải pháp khác bên cạnh giải pháp pháp luật để bảo đảm khắc phục toàn diện, đầy đủ những hạn chế, thiếu sót liên quan đến công tác này như nâng cao, thay đổi nhận thức trách nhiệm của cán bộ khi tiến hành tố tụng đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, chú trọng việc tổ chức mô hình tòa chuyên trách đối với người chưa thành niên cũng như tạo các điều kiện cơ sở vật chất và công tác phối hợp tốt khi tiến hành xét xử đối với chủ thể đặc biệt này. Hiện nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan đầu tiên thành lập Tòa chuyên trách là Tòa án gia đình và người chưa thành niên được tổ chức theo mô hình giải quyết các tranh chấp vụ việc liên quan đến hôn nhân-gia đình theo Bộ luật Tố tụng dân sự; người phạm tội chưa đủ 18 tuổi hoặc người phạm tội đã đủ 18 tuổi nhưng bị hại là người dưới 18 tuổi; xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án đối với

người chưa thành niên. Xét về thực tiễn từ Tòa án nhân dân quận Tân Bình, so với Thông tư 01/2016/TT-CA về tổ chức Tòa chuyên trách, thì Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã đủ điều kiện về thụ lý giải quyết vụ, việc hôn nhân gia đình, người dưới 18 tuổi phạm tội... tuy nhiên vì điều kiện tổ chức cán bộ không đáp ứng được khối lượng công việc quá lớn nên việc tổ chức tòa chuyên trách đối với người chưa thành niên là chưa thực hiện được trên thực tiễn.

KẾT LUẬN

Trên thực tế hiện nay, các tội phạm do NCTN gây ra nhận được sự quan tâm lớn từ xã hội nhưng không phải ai cũng có cái nhìn tích cực đối với những người này. Thiệt hại mà họ gây ra là quá lớn, đa phần là các tội xâm phạm sức khỏe, tính mạng con người, hậu quả gây ra không cách gì bù đắp được những tổn thương, mất mát mà gia đình của người bị hại gánh chịu. Đa phần những người thân của bị hại, những người dân đều yêu cầu có một bản án nghiêm khắc, mang tính giáo dục, răn đe để trừng phạt bị cáo và làm gương cho những người khác mà chưa nghĩ đến việc những người này vừa là bị cáo nhưng cũng là những nạn nhân do đó, khi lên tiếng bênh vực những đối tượng này và đề xuất những thủ tục đặc biệt đối với họ nhằm thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật cũng nhận được không ít ý kiến trái chiều. Tuổi đời non nớt, nhận thức sai lầm dễ khiến họ phạm tội nhưng họ cũng là đối tượng cần nhận được sự quan tâm từ phía gia đình, xã hội vì thế "Giành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em" là mục tiêu quan trọng đối với không chỉ Việt Nam và các nước tham gia Công ước về quyền trẻ em mà còn là của toàn thế giới. Trong tình hình tội phạm nói chung, tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện nói riêng ngày càng diễn biến phức tạp, nếu không có sự quan tâm đúng mức của Nhà nước thì hậu quả không chỉ trước mắt mà còn là gánh nặng cho thế hệ mai sau. Ở Việt Nam, vấn đề này đang thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật, đòi hỏi Nhà nước cần có những chính sách phù hợp với truyền thống đạo đức của dân tộc, qua đó bảo đảm cho sự phát triển của thế hệ tương lai đất nước. Việc tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống pháp luật về việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói chung và việc xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng, cũng nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đó.

Nhìn chung các quy định của BLTTHS năm 2015 về thủ tục xét xử sơ thẩm là tương đối đầy đủ. Các cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực trong việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn. Tuy nhiên một số quy định vẫn còn bất cập, chưa rõ ràng, cụ thể, dẫn đến khi áp dụng gặp không ít khó khăn, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Nhằm nâng cao

chất lượng, hiệu quả công tác TTTH đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi đòi hỏi cần phải có những giải pháp đồng bộ. Qua những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS chúng ta cần phải tập trung nghiên cứu và hoàn thiện hơn các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng trong việc xử lý NCTN phạm tội nói chung (điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án) và thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng, các quy định về người tham gia tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng... ngoài việc nghiên cứu các quy định của pháp luật để áp dụng chính xác trong công tác xét xử, ngành Tòa án cần tổ chức hội nghị chuyên đề hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, Tòa án cần phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà có hình thức xử phạt nghiêm minh theo đúng pháp luật, công bố kết quả xét xử trên các phương tiện thông tin đại chúng để tăng tác động răn đe, giáo dục cũng như hỗ trợ quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Cùng với việc xét xử đúng, Tòa án phải phát hiện thiếu sót hoặc những hành vi vi phạm khác trong quản lý người dưới 18 tuổi của gia đình, nhà trường và xã hội... là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, góp phần giải quyết đúng đắn vụ án và góp phần vào công cuộc chung của xã hội là đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Cùng với sự hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, những quy định về TTHS đối với người dưới 18 tuổi đã đạt được những bước phát triển quan trọng và ngày càng được đổi mới và hoàn thiện hơn. Thực hiện các giải pháp luận văn đưa ra sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả áp dụng TTXH đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam là một quốc gia thành viên.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Huỳnh Tấn Duy (2013), *Quyền được bảo vệ về thông tin cá nhân của người chưa thành niên bị buộc tội trong Luật quốc tế và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 02), tr.75-82.
2. Lê Huỳnh Tấn Duy (2013), *Đánh giá quy định của Luật tố tụng hình sự Việt Nam về quyền bào chữa của người chưa thành niên trên cơ sở các tiêu chuẩn của Liên Hợp Quốc*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 4), tr. 45-46.
3. Lê Huỳnh Tấn Duy (2014), *Mô hình tư pháp người chưa thành niên theo định hướng của Liên Hợp Quốc*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 5), tr. 28-29.
4. Lê Huỳnh Tấn Duy (2015), *Quyền của người chưa thành niên có sự tham gia của đại diện gia đình, nhà trường, tổ chức trong quá trình tố tụng hình sự*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 5), tr. 32-33.
5. Lê Huỳnh Tấn Duy (2015), *Quy định về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 6), tr.30-41.
6. Nguyễn Tiến Đạm (2004), *Quyền lựa chọn người bào chữa của bị cáo chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số 7), tr. 51-59.
7. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (2004), *Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất Những quy định chung của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
8. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của bộ luật hình sự 2003*, Hà Nội.
9. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (2004), *Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ 3 “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.

10. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), *Những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm chưa thành niên trên địa bàn thành phố*, Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học, Hà Nội.

11. Võ Khánh Linh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

12. Nguyễn Hải Ninh (2009), *Hoàn thiện quy định của pháp luật nhằm bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo chưa thành niên*, Tạp chí Luật học, (số 11), tr. 31-39.

13. Nxb Chính trị quốc gia (2001), *Báo cáo của Ủy ban quyền trẻ em Liên hợp quốc về công tác dự án tư pháp người chưa thành niên*, Hà Nội.

14. Nxb Giáo dục (1996), *Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, Hà Nội.

15. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*.

16. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*.

17. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*.

18. Quốc hội (2003, 2015), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003, 2015*.

19. Quốc hội (2003, 2015), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003, 2015*.

20. Quy tắc Riyath về phòng ngừa phạm pháp ở người chưa thành niên (1990).

21. Quy tắc Bắc Kinh (1992), *Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên hợp quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do*.

22. Radda Barnen (2001), *Báo cáo lượng giá dự án tư pháp người chưa thành niên*.

23. Quách Hữu Thái (2010), *Những vướng mắc trong thực tiễn xét xử người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 6), tr. 25-31.

24. Nguyễn Ngọc Thương (2006), *Thủ tục tố tụng hình sự đối với những vụ án do người chưa thành niên thực hiện-Lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Nguyễn Hữu Thế Trạch (2013), *thủ tục tố tụng thân thiện đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 3), tr.76-83.

26. Nguyễn Thanh Tùng (2012), *Thực tiễn xét xử người chưa thành niên phạm tội, đề xuất và kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 3), tr.41-42.

27. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/1/2016 về việc tổ chức các tòa chuyên trách tại tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tòa án nhân dân huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh và tương đương*.

28. Tòa án nhân dân tối cao (1974), *Thông tư số 16/TANDTC ngày 27/9/1974 hướng dẫn về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm về hình sự*.

29. Tòa án nhân dân tối cao (1999), *Công văn số 52/1999/KHXX ngày 15/6 về việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo là người chưa thành niên*.

30. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6 hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ cho các Tòa án nhân dân địa phương*.

31. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2009), *Kỷ yếu tọa đàm, Bảo vệ người chưa thành niên dưới góc độ Luật hình sự Việt Nam*.

32. Tòa án nhân dân Tối cao (2009), *Sổ tay thẩm phán*.

33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*.

34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*.

35. Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Nội vụ (1992), *Thông tư liên tịch số 03/TTLN ngày 20/6/1992 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về lý lịch của bị can, bị cáo*.

36. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ*.

37. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân năm 2002*.

38. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1999), *Chuyên đề về tư pháp hình sự so sánh*.

39. Viện Nghiên cứu khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp và tổ chức cứu trợ trẻ em của Thụy Điển (2000), *Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp người chưa thành niên*.

40. Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện ngôn ngữ học (1992), *Từ điển Tiếng Việt*.